|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN CHÂU THÀNH** Số: /BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Châu Thành, ngày tháng năm 2021* |

BÁO CÁO

Kết quả xây dựng nông thôn mới năm 2021

của huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) xây dựng nông thôn mới, huyện Châu Thành đã đạt được những kết quả nổi bậc. Nông nghiệp tiếp tục phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả. Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường, các công trình giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục, thông tin liên lạc, điện, nước sinh hoạt được đầu tư xây dựng và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn; bộ mặt vùng nông thôn có nhiều thay đổi. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn không ngừng được cải thiện. Hệ thống chính trị được củng cố và tăng cường; dân chủ cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được giữ vững, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

**I. ĐẶC ĐIỂM CHUNG**

**1. Đặc điểm tự nhiên**

 Huyện Châu Thành nằm ở phía Đông Bắc của tỉnh Trà Vinh, nằm bao quanh thành phố Trà vinh; phía Đông giáp huyện Thạnh Phú và huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; phía Tây giáp huyện Tiểu Cần và huyện Càng Long; phía Nam giáp huyện Cầu Ngang và huyện Trà Cú; phía Bắc giáp thành phố Trà Vinh.

 Đơn vị hành chính của huyện có 13 xã và 01 thị trấn bao gồm: Thị trấn Châu Thành, xã Long Hòa, Hòa Minh, Hưng Mỹ, Phước Hảo, Hòa Thuận, Hòa Lợi, Đa Lộc, Mỹ Chánh, Thanh Mỹ, Lương Hòa, Lương Hòa A, Nguyệt Hóa và Song Lộc; Tổng số có 103 ấp và 05 khóm.

 Diện tích tự nhiên toàn huyện 34.900,90 ha, trong đó diện tích đất nông nghiệp 26.376,80 ha, chiếm tỷ lệ 63,97% so với diện tích đất tự nhiên; diện tích đất phi nông nghiệp 8.517,44 ha, chiếm tỷ lệ 24,40% so với diện tích đất tự nhiên; diện tích đất chưa sử dụng 6,66ha, chiếm tỷ lệ 0,02% so với diện tích đất tự nhiên.

 Dân số toàn huyện có 144.128 người, trong đó: Nữ 72.962 người, chiếm tỷ lệ 50,62%, Nam 71.166 người, chiếm tỷ lệ 49,38%; với 40.575 hộ dân, mật độ dân số 412,96 người/km2. Dân số trong độ tuổi lao động 87.251 người, chiếm tỷ lệ 60,54%, trong đó lao động trong lĩnh vực nông nghiệp 48.013 người, chiếm tỷ lệ 55% so với tổng số lao động toàn huyện.

 Với vị trí địa lý nằm tiếp giáp với thành phố Trà Vinh và có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng như: Quốc lộ 53, 54, 60; đường tỉnh 911, 912, 915B; các tuyến Đường huyện 9, 10, 11, 13, 14, 15, 16, 30 cùng với các tuyến giao thông đường thủy quan trọng: Sông Cổ Chiên, sông Láng Thé - Ba Si, kênh Thống Nhất... Đã tạo thành mạng lưới giao thông thông suốt, giúp cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa với các vùng lân cận được thuận lợi, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

**2. Khái quát đặc điểm kinh tế, văn hóa - xã hội**

Những năm qua, Đảng bộ và Nhân dân huyện Châu Thành đã đoàn kết, nỗ lực, phấn đấu thực hiện đạt được nhiều kết quả quan trọng: Kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2015 đạt 14,48%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 9,93%/năm, trong đó: Khu vực I tăng 2,94%; khu vực II tăng 23,29%; khu vực III tăng 14,38%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản từ 62,28% năm 2015 giảm còn 43,89%; công nghiệp, xây dựng từ 16,51% tăng lên 30,25%; dịch vụ từ 21,20% tăng lên 25,86%. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn bình quân 5 năm 2016-2020 đạt 2.661 tỷ đồng, đạt 101,34% kế hoạch. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 là 50,6 triệu đồng/người/năm, đạt 101,2% kế hoạch, tăng 1,5 lần so với năm 2015; thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 16,99%, vượt 1,99% kế hoạch; tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 16,02% năm 2016 xuống còn 2,89% năm 2020 *(tương đương 4.941 hộ)*; giảm hộ nghèo bình quân 2,62%/năm, riêng các xã có đông đồng bào Khmer giảm hộ nghèo bình quân 3,78%/năm, đạt 126% kế hoạch *(năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo Khmer 25,39% giảm xuống còn 6,45% năm 2020)*.

***2.1.* *Nông – lâm - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với xây dựng nông thôn mới:***

Nông, ngư, lâm nghiệpphát triểntheo hướng nâng cao năng suất, chất lượng. Tỷ trọng nông nghiệp chiếm 67,31%, ngư nghiệp chiếm 32,03%, lâm nghiệp chiếm 0,66% trong cơ cấu giá trị sản xuất.Về tổng thể, kinh tế nông - ngư - lâm nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng về giá trị sản xuất, đồng thời giảm tỷ trọng trong cơ cấu giá trị sản xuất chung của huyện; cơ cấu giá trị sản xuất chăn nuôi, cây ăn quả, rau màu và thủy sản tiếp tục tăng. Giá trị sản xuất bình quân trên 01ha đất nông nghiệp từ 99,77 triệu đồng năm 2015 tăng lên 112,55 triệu đồng năm 2020.

*Trồng trọt:* Diện tích gieo trồng lúa năm 2020 thực hiện 42.593 ha, so với năm 2015, tăng 319 ha, tương đương 0,65%; sản lượng từ 252.098 tấn năm 2015 lên 274.250 tấn năm 2020. Diện tích sử dụng lúa giống xác nhận trên 95%, đã cơ bản hoàn thành việc ứng dụng sản xuất lúa có chất lượng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và chế biến. Duy trì mô hình cánh đồng lớn, mở rộng diện tích lúa hữu cơ ở Long Hòa, Hòa Minh, xây dựng mô hình sản xuất lúa theo hướng hữu cơ ở xã Phước Hảo([[1]](#footnote-1)).

Diện tích trồng rau màu 4.857 ha, tăng 541 ha, tương đương 4,91%; triển khai sản xuất rau an toàn trên diện tích 105,7 ha, có 12 ha được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn; 8,2 ha chứng nhận sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP; hình thành được vùng chuyên canh cây màu tại các xã Song Lộc, Hưng Mỹ, Hòa Lợi, Phước Hảo.

Diện tích cây ăn trái 1.351 ha, tăng 62 ha, tương đương 4,8%; có 27 ha bưởi da xanh đạt tiêu chuẩn VietGAP. Diện tích cây dừa 3.601ha *(Trong đó, diện tích dừa đang cho trái 3.136 ha),* tăng 149 ha, tương đương 4,3%; thực hiện mô hình cánh đồng lớn trên dừa 60 ha.

*Chăn nuôi:* Tốc độ tăng trưởng 6,84%/năm; 100% con giống đã lai theo hướng chuyên thịt, thời gian nuôi được rút ngắn. Số lượng đàn heo 59.090 con, giảm 6.695 con, tương đương 22,07%; đàn bò 56.000 con, tăng 8.367 con, tương đương 26,41%; đàn gia cầm 2.617.800 con, tăng 546.400 con, tương đương 118,26%; phát động mở rộng chăn nuôi dê, một số mô hình đã được hỗ trợ đầu tư thực hiện, số lượng đàn 2.623 con, tăng 1.364 con, tương đương 214%.

*Lâm nghiệp:*Lâm nghiệp tăng bình quân 0,26%/năm; tỷ lệ che phủ rừng từ 39% năm 2015 tăng lên 53% năm 2020([[2]](#footnote-2)).

*Thủy sản:* Tốc độ tăng trưởng bình quân 8,56%/năm([[3]](#footnote-3)). Sản lượng từ 23.369 tấn tăng lên 27.082 tấn, đạt 97% kế hoạch.

Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp đều được triển khai thực hiện mang lại hiệu quả thiết thực. Các công trình thủy lợi hiện có đảm bảo phục vụ đa mục tiêu, được duy tu, nạo vét, chống xuống cấp, khơi thông dòng chảy đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu thông, sinh hoạt([[4]](#footnote-4)). Công tác tư vấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất và xây dựng các mô hình định hướng chuyển đổi, nâng cao chất lượng, năng suất hàng hóa nông sản có sự đổi mới sát yêu cầu, nhiệm vụ, tay nghề của người dân được nâng lên([[5]](#footnote-5)).

***2.2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:***

Phát triển cả về số lượng và quy mô sản xuất, gắn với phát triển nông nghiệp, nông thôn, tập trung vào các ngành có ưu thế về tiềm năng nguyên liệu và lao động tại chỗ như: Chế biến thủy, hải sản, chế biến lương thực, vật liệu xây dựng, may mặc xuất khẩu và thủ công mỹ nghệ…, đặc biệt là xây dựng được cụm công nghiệp đầu tiên của huyện *(cụm công nghiệp Tân Ngại quy mô sử dụng đất giai đoạn 1 là 9,79 ha),* cùng với đó là các doanh nghiệp đầu tư gia công hàng may mặc, sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến có quy mô lớn([[6]](#footnote-6)). Hỗ trợ máy móc thiết bị tiên tiến phục vụ sản xuất cho 08 doanh nghiệp, hợp tác xã với kinh phí 734 triệu đồng.

Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp thực hiện năm 2020 đạt 1.039,1 tỷ đồng, đạt 71,86% so kế hoạch, tăng 12,76% so với cùng kỳ, giải quyết việc làm cho trên 6.276 lao động. Tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống được quan tâm quy hoạch, đầu tư, khôi phục và phát triển.

***2.3. Thương mại - dịch vụ:***

Tiếp tục chuyển biến tích cực**([[7]](#footnote-7))**, nhờ lợi thế ven thành phố Trà Vinh đã thúc đẩy các dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, cung ứng vật tư, hàng hóa, cửa hàng tiện lợi, nhà trọ, ẩm thực,… tăng mạnh; chợ nông thôn hầu hết đã chỉnh trang và khai thác hết diện tích([[8]](#footnote-8)); phát triển 02 chi nhánh ngân hàng *(Ngân hàng Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng đầu tư và phát triển).* Bên cạnh đó, đã tổ chức 15 cuộc kết nối tiêu thụ hàng hóa trên địa bàn huyện.

Bước đầu đã xây dựng Làng văn hóa du lịch Khmer Nam bộ tại ấp BaSe A, xã Lương Hòa gắn với Khu du lịch Ao Bà Om và di tích lịch sử Bờ Lũy - Ao Nam; điểm Du lịch cộng đồng ấp Cồn Chim, xã Hòa Minh;bên cạnh đó, du lịch tâm linh được quan tâm phát triển ở các chùa: Vĩnh Phước, chùa Hang, chùa Phật Quang,…..

***2.4. Tài chính – tín dụng:***

Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 16,99%, vượt 1,99% kế hoạch*.* Các nguồn thu đều tăng theo tăng trưởng kinh tế, thu từ đất đai luôn vượt kế hoạch; nợ thuế được quản lý chặt chẽ, tổ chức đôn đốc thu thường xuyên.

Quản lý và điều hành ngân sách đi vào nền nếp đúng theo Luật Ngân sách Nhà nước. Thực hiện phân bổ, sử dụng ngân sách đúng nguyên tắc, quản lý, kiểm soát chi đúng chế độ, đúng định mức, đúng luật; chi cho đầu tư phát triển tăng đều qua hàng năm.

***2.5. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng:***

Hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng*,* góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Giao thông đường thủy – đường bộ có sự tập trung đầu tư lớn; giao thông đường thủy kết nối thông suốt, thuận tiện giữa các xã cù lao với vùng tiếp giáp; giao thông đường bộ phần lớn được cứng hóa, phủ đều vùng sâu, một số vùng nội đồng; các trục quốc lộ, tỉnh lộ đều được nâng cấp khá đồng bộ về mặt cầu - đường([[9]](#footnote-9))...; 100% số xã đạt tiêu chí giao thông theo tiêu chí nông thôn mới.

Thủy lợi được duy tu, nạo vét hàng năm đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp và thủy lợi đa mục tiêu. Nâng cấp lưới điện, đưa lưới điện về ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, xóa hộ sử dụng điện câu đuôi không an toàn, đáp ứng nhu cầu điện phục vụ sản xuất nuôi tôm, trồng thanh long vùng chuyển đổi, đến nay 100% ấp, xã có điện lưới([[10]](#footnote-10)). Đồng thời, việc đầu tư sử dụng điện năng lượng tái tạo *(điện năng lượng mặt trời)* bước đầu thu hút sự quan tâm của người dân. Hạ tầng y tế, giáo dục, bưu chính, viễn thông tiếp tục được quan tâm đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển.

***2.6. Phát triển các loại hình doanh nghiệp, kinh tế hợp tác và hợp tác xã:***

Thực hiện triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, thường xuyên tổ chức hội nghị gặp gỡ, trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục phát triển,giai đoạn 2016-2020thành lập mới 232 doanh nghiệp, 1.062 cơ sở sản xuất, kinh doanh; nâng tổng số đến cuối năm 2020 có 386 doanh nghiệp, 2.290 cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thành lập mới 13 hợp tác xã, 87 tổ hợp tác *(trong đó có 11 hợp tác xã, 78 tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp)*; nâng tổng số đến cuối năm 2020 có 26 hợp tác xã, 389 tổ hợp tác *(trong đó có 20 hợp tác xã, 376 tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp)*. Vai trò hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã đối với kinh tế hộ được phát huy, tác động tích cực đến kết quả chuyển dịch cơ cấu sản xuất, giải quyết việc làm, phát triển kinh tế nông thôn.

***2.7. Giáo dục và Đào tạo:***

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo đạt nhiều tiến bộ, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật trường học, mạng lưới trường lớp tiếp tục được quan tâm đầu tư theo hướng hiện đại đảm bảo thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông mới, gắn với việc sắp xếp, sáp nhập các điểm trường và tinh giản biên chế([[11]](#footnote-11)). Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ có sự chuyển biến tích cực; tỷ lệ huy động học sinh các cấp đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra[[12]](#footnote-12)). Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn và trên chuẩn đảm bảođáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục([[13]](#footnote-13)).

Phong trào khuyến học khuyến tài, xây dựng xã hội học tập đạt kết quả khá nổi bật với nhiều hoạt động thiết thực góp phần nâng cao nguồn nhân lực cho huyện; giáo dục hướng nghiệp và dạy nghề từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển trong tình hình mới; Trung tâm học tập cộng đồng được củng cố và từng bước phát huy hiệu quả hoạt động.

***2.8. Y tế, dân số Kế hoạch hóa gia đình:***

Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân,nhất là tập trung công tác phòng, chống có hiệu quả dịch Covid-19; mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và từng bước hoàn thiện; đã xây dựng và đưa vào sử dụng 04 trạm y tế xã. Đội ngũ y, bác sĩ được tăng cường([[14]](#footnote-14)), 14/14 xã, thị trấn có bác sĩ, 100% ấp, khóm có nhân viên y tế. Tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ và chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên; các loại dịch bệnh nguy hiểm được kiểm soát và khống chế. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi được kéo giảm còn 6,72%; tốc độ tăng dân số bình quân 1,03%/năm. Công tác thanh tra, kiểm tra vệ sinh, an toàn thực phẩm được quan tâm thực hiện thường xuyên. Thực hiện đề án bảo hiểm y tế toàn dân đạt được những kết quả quan trọng, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt 99,06% dân số.

***2.9. Văn hóa, thể thao và du lịch:***

Tiếp tục thực hiện phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*; xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội. Gắn các hoạt động văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Quan tâm phát triển và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc; đã công nhận 02 nghệ nhân ưu tú, đến cuối năm 2020 công nhận 06 nghệ nhân ưu tú trên các lĩnh vực điêu khắc, tạc tượng, đờn ca tài tử… Phát triển các thiết chế văn hóa, tạo điều kiện để Nhân dân chủ động tổ chức các hoạt động văn hóa cộng đồng. Phát huy các giá trị phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số được sưu tầm và phục dựng; các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt văn hóa tâm linh được quan tâm, công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường. Quan tâm xây dựng môi trường văn hóa, góp phần giáo dục, rèn luyện con người về nhân cách, lối sống. Gắn kết xây dựng môi trường văn hóa với phát huy truyền thống văn hóa gia đình, dòng họ, góp phần giáo dục rèn luyện con người về nhân cách, đạo đức, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ. Phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng con người phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ… có trách nhiệm với xã hội và ý thức tuân thủ pháp luật, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hệ thống thông tin, truyền thông được phủ sóng đến tất cả các ấp, khóm, cơ bản đáp ứng được nhu cầu về thông tin của Nhân dân. Các xã, thị trấn đều có trạm truyền thanh và cụm loa không dây tiếp âm Đài truyền thanh huyện; có đường truyền internet đến ấp, khóm, tạo bước phát triển mới trong cộng đồng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế và giao lưu văn hóa. Thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành. Chất lượng hoạt động thông tin, truyền thanh và Trang thông tin điện tử huyện được nâng cao.

Hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng ngày càng phong phú, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia; nhiều câu lạc bộ văn nghệ được thành lập ở các ấp, khóm, xã, thị trấn, góp phần cổ vũ, làm phong phú đời sống tinh thần của Nhân dân. Để duy trì và phát triển phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị đã quan tâm công tác bảo tồn, khôi phục và phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống([[15]](#footnote-15)). Tổ chức tốt các buổi giao lưu đờn ca tài tử mừng Đảng - mừng Xuân và các hội thi Sắc màu tuổi thơ, Thiếu nhi tuyên truyền kể chuyện sách, Tiếng hát Hoa phượng đỏ, Hội diễn văn nghệ quần chúng,…; tham gia các hội thi do tỉnh tổ chức, kết quả đạt được nhiều giải thưởng và thứ hạng cao.

Phong trào thể dục, thể thao từng bước được quan tâm đầu tư, thu hút quần chúng nhân dân tham gia, nhất là đã khơi dậy, phát triển các loại hình thể thao truyền thống, dân gian. Phong trào luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên gắn với phong trào *“Toàn dân rèn luyện thể dục, thể thao theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại”* từng bước được mở rộng. Hoạt động thể dục thể thao trong lực lượng vũ trang, trường học và trong Nhân dân được duy trì. Việc quy hoạch, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, thiết chế văn hóa, thể thao được tiếp tục quan tâm thực hiện([[16]](#footnote-16)).

***2.10. Chính sách xã hội:***

Triển khai thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người lao động([[17]](#footnote-17))*.* Giai đoạn 2016-2020 đã tổ chức hội thảo tư vấn giới thiệu việc làm cho 43.912 lao động đi làm việc tại các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; qua đó, tạo việc làm mới cho 24.550 lao động, đạt 175,4% kế hoạch; đưa 248 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, đạt 165,3% kế hoạch. tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 16,02% năm 2016 xuống còn 2,89% năm 2020 *(tương đương 4.941 hộ)*; giảm hộ nghèo bình quân 2,62%/năm, riêng các xã có đông đồng bào Khmer giảm hộ nghèo bình quân 3,78%/năm, đạt 126% kế hoạch *(năm 2016 tỷ lệ hộ nghèo Khmer 25,39% giảm xuống còn 6,45% năm 2020).*

Chính sách đối với người có công luôn được quan tâm thực hiện tốt([[18]](#footnote-18)), đời sống của gia đình chính sách ngày càng được nâng cao. Kết quả xã hội hóa chính sách đền ơn đáp nghĩa có bước chuyển biến tích cực, nhận được sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp.

 ***2.11. Tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới:***

Thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/ 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

Năm 2011 khi bắt tay vào xây dựng nông thôn mới, toàn huyện chưa có xã đạt chuẩn xã nông thôn mới, số tiêu chí bình quân trên xã đạt 6,5 tiêu chí, sau 11 năm xây dựng nông thôn mới, đến nay huyện có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

**3. Thuận lợi:**

Nguồn lực đầu tư sẽ tiếp tục tăng, nhiều công trình trọng điểm của tỉnh mở ra nhiều cơ hội lớn cho huyện thu hút đầu tư, phát triển sản xuất, mở rộng thị trường, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đã có và đầu tư mới làm tăng năng lực sản xuất là điều kiện cho tiến trình phát triển nông nghiệp toàn diện, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với xây dựng nông thôn mới đáp ứng đúng tâm tư, nguyện vọng của người dân nông thôn, tạo điều kiện thuận lợi để người dân nông thôn có điều kiện phát triển sản xuất cũng như hưởng thụ các loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đời sống vật chất tinh thần được nâng lên.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định. Đoàn kết dân tộc, tôn giáo được giữ gìn và phát huy.

Sự chỉ đạo sâu sát của các cấp ủy đảng cùng với sự nhạy bén của các cấp chính quyền nhất là cấp tham mưu trực tiếp, kịp thời ban hành những văn bản quy định của Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình thực tế của huyện, được đông đảo quần chúng nhân dân nhiệt tình hưởng ứng thực hiện.

**4. Khó khăn:**

Thời tiết, khí hậu, dịch bệnh diễn biến phức tạp, giá cả không ổn định gây bất lợi cho sản xuất. Kết cấu hạ tầng chưa được đầu tư đồng bộ; khả năng cạnh tranh của nền kinh tế thấp.

Tay nghề lao động thấp, khu vực sản xuất nông nghiệp dễ phát sinh hộ nghèo; lối sống thiếu lành mạnh tồn tại trong một bộ phận dân cư và một số dịch bệnh nguy hiểm, đặc biệt là dịch Covid-19,… gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng cuộc sống, gây thiệt hại đến sản xuất, thu nhập và đời sống của nhân dân.

Đất nước đang trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, nhưng người dân nông thôn vẫn còn tập quán sản xuất nhỏ lẻ, chất lượng nông sản chưa đồng đều, sản lượng không đáp ứng nhu cầu thị trường, phải đối mặt với nhiều đối tác cạnh tranh, nhiều thách thức và áp lực trong sản xuất, nhất là sản xuất nông nghiệp. Hàng hóa nông sản của người dân luôn đối mặt với áp lực “Được mùa, mất giá” hoặc bị thương lái câu kết chèn ép,... sản xuất hiệu quả kinh tế không cao, sử dụng nhiều phân bón, hóa chất gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe người sản xuất và tiêu dùng,…

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có bước phát triển nhưng chưa phát huy hết tiềm năng, lợi thế của địa phương.

**II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

**1. Văn bản của Trung ương**

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia nông thôn mới; Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

 Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/ 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

 Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

 Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

 Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600 ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2021;

 Các văn bản khác của các Cơ quan, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**2. Văn bản của tỉnh Trà Vinh**

Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 04/10/2011 của Tỉnh ủy Trà Vinh về việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và Quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2020;

Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 13/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 25/QĐ-BCĐ ngày 24/3/2020 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020 về thực hiện Chương trình công xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh năm 2020;

Công văn số 293/UBND-NN ngày 25/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới năm 2021;

Quyết định số 174/QĐ-BCĐ ngày 03/8/2021 của Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh về ban hành Chương trình công tác năm 2021 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 – 2020 về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

**3. Văn bản của huyện Châu Thành**

 Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 03/5/2012 của Huyện ủy Châu Thành về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Châu Thành giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

Quyết định số 387-QĐ/HU ngày 18/4/2012 của Ban Thường vụ Huyện ủy về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Châu Thành.

Quyết định số 03-QĐ/BCĐ ngày 23/7/2012 của Ban Chỉ đạo về việc phân công thành viên BCĐ huyện phụ trách địa bàn các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015;

Quyết định số 2429 QĐ/UBND ngày 14/8/2012 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Châu Thành chung sức xây dựng nông thôn mới”;

Quyết định số 388-QĐ/HU ngày 18/01/2017 của Huyện ủy Châu Thành về việc thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện;

Quyết định số 69-QĐ/HU ngày 02/11/2017 của Huyện ủy Châu Thành về việc kiện toàn Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện;

Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 30/9/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành về việc xây dựng huyện nông thôn mới đến năm 2021 và giữ vững huyện nông thôn mới đến năm 2025;

Kế hoạch số 74/KH-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/HU ngày 30/9/2019 của Huyện ủy về xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới đến năm 2021 và giữ vững huyện nông thôn mới đến năm 2025;

Kế hoạch 179-KH/HU ngày 31/3/2020 của Huyện ủy Châu Thành về việc thực hiện kết luận của Thường trực Tỉnh ủy kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành;

Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 26/02/2021 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc thực hiện huyện Châu Thành đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021;

Quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 05/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Châu Thành;

Ngoài ra, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ đạo huyện còn ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ thực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

**III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của huyện, từng cấp thực hiện theo chức năng nhiệm vụ đảm bảo đúng qui định và kịp thời, có phân công trách nhiệm từng ngành, từng thành viên, từng lĩnh vực, từng địa bàn, cụ thể:

- Cấp huyện:

 Năm 2012, Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành ban hành Quyết định số 387-QĐ/HU ngày 18/4/2012 thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới có 23 thành viên, Trưởng Ban Chỉ đạo do đồng chí Bí thư Huyện ủy kiêm nhiệm; Ban Chỉ đạo phân công cụ thể cho từng thành viên BCĐ và Tổ giúp việc phụ trách địa bàn; Năm 2017, Ban Thường vụ Huyện ủy Châu Thành đã ra quyết định sáp nhập Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa thành Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG và phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện, đến nay đã qua 09 lần kiện toàn và bổ sung.

 Thực hiện theo Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 1920/QĐ-TTg, ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. UBND huyện đã thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới gồm 11 thành viên do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện làm Chánh Văn phòng, đồng chí Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Phó Chánh Văn phòng, đến nay đã 5 lần kiện toàn do thay đổi nhân sự.

 - Cấp xã: Có 13/13 xã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa giai đoạn 2016-2020, có 481 thành viên, do đồng chí Bí thư Đảng ủy xã làm Trưởng Ban chỉ đạo, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã làm Trưởng Ban quản lý nông thôn mới, 100% ấp đều có thành lập Ban Phát triển với tổng số 824 thành viên.

Bộ máy quản lý trong xây dựng nông thôn mới các cấp từ huyện đến xã hoàn thiện và hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả và năng lực quản lý. Ban Chỉ đạo các cấp đã kịp thời ban hành các văn bản như: Nghị quyết, chương trình, kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; các quyết định ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ. Từ đó, các cấp ủy, người đứng đầu tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới, thi đua lao động, sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, thu nhập, ổn định cuộc sống.

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế xã hội, từ khi bắt tay vào xây dựng nông thôn mới, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân (HĐND), Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Châu Thành đã tập trung triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình. Huyện ủy đã ban hành nghị quyết lãnh đạo, quyết định thành lập Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện; phân công nhiệm vụ cụ thể tới các thành viên, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, cấp ủy chính quyền địa phương; UBND huyện đã xây dựng và ban hành các kế hoạch để triển khai thực hiện; tổ chức hội nghị quán triệt các văn bản của Trung ương, của tỉnh; triển khai kế hoạch của UBND, Ban chỉ đạo huyện đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trong huyện cùng tham gia thực hiện.

Tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới để chỉ đạo các xã xây dựng Quy hoạch và Đề án nông thôn mới theo qui định, làm căn cứ triển khai thực hiện. Nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được đưa vào các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý, tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm, giai đoạn, để đánh giá rút kinh nghiệm; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, các ban, ngành huyện cũng đã tích cực trong công tác kiểm tra, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn ngay từ cơ sở.

**2.** C**ông tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

***2.1. Công tác truyền thông***

Công tác tuyên truyền, phổ biến về các chủ trương, chính sách về xây dựng nông thôn mới được Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức trong hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở quan tâm triển khai, phổ biến sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân với nhiều hình thức đa dạng về nội dung; phong phú, sáng tạo về hình thức để tạo điều kiện cho cán bộ, Nhân dân trên địa bàn nhận thức sâu sắc hơn về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Kết quả đã tuyên truyền được 12.618 cuộc với 529.956 lượt người dự. Ngoài tuyên truyền trực tiếp cho người dân, ban chỉ đạo các cấp còn cấp phát các tài liệu tuyên truyền khác cho địa phương như: Cấp phát 26.500 tờ bướm cho các xã tuyên truyền 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới; 2.300 cuốn tài liệu hỏi, đáp và 450 áp phích tuyên truyền của Ban Chỉ đạo tỉnh, 165 đĩa CD *(gồm tiếng Kinh và tiếng Khmer)* hướng dẫn xây dựng nông thôn mới, vận động xây dựng hàng rào, xóa cầu tiêu trên ao hồ, sông rạch, xây dựng hố xí, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, tạo cảnh quan môi trường “xanh - sạch - đẹp”. Ngoài ra, bình quân mỗi tháng Đài Truyền thanh huyện phát thanh trên 500 tin, bài các loại về nông nghiệp, nông dân, nông thôn mới.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể từ huyện đến cơ sở đã vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện: Các dân tộc, tôn giáo trong toàn huyện đã hưởng ứng tích cực Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, tích cực tham gia các chương trình, dự án ở cơ sở nhất là xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới, bảo vệ môi trường, công tác từ thiện xã hội và an sinh xã hội,… Chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt phương châm sống tốt đời, đẹp đạo; tích cực tham gia các phong trào của địa phương, như vận động xây dựng nhà tình thương, nhà đại đoàn kết cho hộ nghèo, cận nghèo khó khăn về nhà ở, cầu, đường, xây dựng cảnh quan môi trường, an sinh xã hội,…góp phần cùng với địa phương thực hiện tốt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Kết quả trong 11 năm qua MTTQ, các tổ chức đoàn thể - chính trị xã hội vận động các tổ chức, doanh nghiệp, tôn giáo, mạnh thường quân, kiều bào... trong và ngoài huyện thực hiện chương trình an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, đã vận động được 269.396,017 triệu đồng, qua đó xây dựng mới 998 căn nhà tình nghĩa, 961 căn nhà tình thương, 560 căn nhà đại đoàn kết, trợ giúp học sinh nghèo hiếu học cho 1.321 lượt học sinh, thăm hỏi tặng quà vui Xuân, cứu trợ về gạo, nhu yếu phẩm cho 188.952 lượt hộ nghèo, cận nghèo, hộ khó khăn, khám chữa bệnh miễn phí cho 4.374 lượt bệnh nhân nghèo, xây dựng 134 cầu giao thông nông thôn, 70 tuyến đường giao thông nông thôn, 421 bồn chứa nước và hỗ trợ khác.

Hội Liên hiệp Phụ nữ thực hiện tốt cuộc vận động*‘‘*xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, tổ chức tuyên truyền được 2.407 cuộc, có 41.497 lượt người dự, đạt 92% so với cán bộ, hội viên. Tuyên truyền, vận động trong lực lượng đoàn viên, thanh niên được 499 cuộc, có 25.051 lượt người dự; vận động nhân dân làm vệ sinh trước sân nhà, làm cột cờ đúng quy cách, hố xí hợp vệ sinh, kết quả có 10.161 hộ đăng ký thực hiện; Hội Nông dân huyện tuyên truyền 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới được 1.505 cuộc cho 64.655 lượt hội viên nông dân.

Bên cạnh đó, Trang thông tin điện tử huyện đưa nhiều tin bài và hình ảnh tuyên truyền về Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đài Truyền thanh huyện, trạm truyền thanh các xã thường xuyên đưa tin các nội dung hỏi đáp về xây dựng nông thôn mới, các chủ trương, chính sách của Đảng về xây dựng nông thôn mới để Nhân dân biết và thực hiện.

***2.2. Về công tác đào tạo, tập huấn***

Phối hợp tổ chức 104 lớp tập huấn về xây dựng nông thôn mới, với 3.012 lượt đồng chí là thành viên Ban Chỉ đạo huyện, xã và Ban phát triển ấp tham dự; Ngoài công tác tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, ban chỉ đạo huyện còn tổ chức các cuộc tham quan học tập kinh nghiệm về mô hình xây dựng nông thôn mới ở các huyện bạn để các địa phương nghiên cứu, lựa chọn mô hình thích hợp để làm theo. Nhìn chung, trong các cuộc tập huấn đều đạt yêu cầu về đối tượng, nội dung cần truyền đạt.

 **3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới**

Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện đã tranh thủ sự đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, đồng thời vận động sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài huyện và sự đối ứng của Nhân dân để thực hiện Chương trình, kết quả:

Tổng nguồn lực huy động thực hiện cho cả giai đoạn 2011-2021 là 2.968 tỷ 531 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 324 tỷ 531 triệu đồng, chiếm 10,93%

- Vốn ngân sách tỉnh: 340 tỷ 800 triệu đồng, chiếm 11,48%

- Vốn ngân sách huyện: 95 tỷ 200 triệu đồng, chiếm 3,20%;

- Vốn ngân sách xã: 11 tỷ 500 triệu đồng, chiếm 0,39%

- Vốn vay tín dụng: 1.574 tỷ đồng, chiếm 53,02%;

- Vốn cộng đồng dân cư: 598 tỷ 900 triệu đồng, chiếm 20,17%.

- Nguồn vốn khác: 23 tỷ 600 triệu đồng, chiếm 0,80%.

Trong 11 năm triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đã thực hiện đầu tư nhiều công trình hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trên địa bàn huyện và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

Việc huy động nguồn lực trong cộng đồng dân cư tham gia vào xây dựng nông thôn mới bằng nhiều hình thức khác nhau như: Dân hiến đất, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc, ngày công lao động để làm thủy lợi, giao thông nông thôn, trồng cây xanh, lắp đèn chiếu sáng nơi công cộng dọc theo các tuyến đường trục ấp, liên ấp, đường ngõ xóm. Việc huy động nguồn lực trong dân đảm bảo trên nguyên tắc dân chủ, công khai minh bạch, với tinh thần tự nguyện, không huy động quá sức đóng góp của Nhân dân.

**IV. KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN**

**1. Số xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định**

- Số xã trên địa bàn huyện: 13 xã,.

- Số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 13 xã.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

Trong 13 xã đạt chuẩn, có 1 xã được công nhận giai đoạn 2011 - 2015 *(theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ)* và 12 xã còn lại được công nhận trong giai đoạn 2016 - 2020 *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)*. Đối với 01 xã công nhận trong giai đoạn 2011-2015, đến nay huyện đã chỉ đã chỉ đạo xã nâng chất lượng các tiêu chí, đạt theo quy định của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020. Bên cạnh đó, huyện còn chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện tiêu chuẩn ấp, hộ gia đình nông thôn mới, kết quả đến nay toàn huyện có 99/103 ấp đạt chuẩn ấp nông thôn mới, đạt 96,12% và có 33.826/37.758 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa - nông thôn mới, đạt 89,59% *(tại thời điểm năm 2011 chưa có hộ và ấp được công nhận ấp, hộ nông thôn mới)*.

**2. Một số kết quả chủ yếu xây dựng nông thôn mới của các xã**

***2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch***

Công tác lập quy hoạch chung xã nông thôn mới năm 2012 có 02/13 xã đạt (xã Hòa Minh, Hưng Mỹ); Năm 2013 có thêm 11 xã đạt (xã Hòa Thuận, Lương Hòa A, Long Hòa, Nguyệt Hóa, Thanh Mỹ, Phước Hảo, Lương Hòa, Song Lộc, Đa Lộc, Mỹ Chánh, Hòa Lợi), nâng tổng số 13/13 xã trên địa bàn huyện có quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt theo Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng và Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTNMT của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường và trên cơ sở quy hoạch được duyệt địa phương đã thực hiện quản lý theo quy hoạch.

Hiện nay, huyện đã tập trung chỉ đạo các xã rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng, 13/13 xã đã hoàn thành công tác điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng và được UBND huyện phê duyệt quy hoạch, quy chế quản lý. Ủy ban nhân dân các xã tổ chức hội nghị triển khai quy hoạch và công bố quy hoạch rộng rãi để Nhân dân biết và thực hiện theo quy định. Bên cạnh đó, triển khai thực hiện quy hoạch vùng huyện cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch* *theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

***2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu***

Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn là tiền đề quan trọng để phát triển các lĩnh vực, tạo ra diện mạo mới, sức sống mới cho bộ mặt nông thôn. Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ là yếu tố quan trọng thúc đẩy kinh tế của huyện phát triển, đặc biệt là góp phần thực hiện tốt chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh trên thị trường. Xác định được ý nghĩa đó, bằng sự tập trung ưu tiên về nguồn lực, huyện đã đầu tư cơ sở hạ tầng đạt được những kết quả quan trọng, cụ thể:

*2.2.1. Về Giao thông*

Năm 2011, hệ thống giao thông nông thôn của huyện rất khó khăn trong việc đi lại, mua bán, phần lớn là đường đất, nhỏ; Những tuyến QL 53, 54, 60 qua địa bàn huyện tuy được nhựa hóa, nhưng bề rộng mặt đường tối đa 6m; Đường tỉnh 911 được nhựa hóa bề rộng mặt đường từ 3,5 đến 6m, Đường tỉnh 912 được nhựa hóa và đất bề rộng mặt đường 6m; Đường huyện 10, 11, 13, 14, 16, 30 được nhựa hóa và bê tông hóa bề rộng mặt đường 2,5 đến 3,5m (chưa có đường huyện 9); Đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã có tổng cộng 609 km mặt đường từ 1,5 đến 2,5m, trong đó: Đường nhựa dài 34,5km; Đường đan BTCT dài 196,7km; Đường cấp phối đá dài 20,5km; Đường đất dài 357km.

Với phương châm “Nhà nước và Nhân dân cùng làm”, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Kết quả đã xây dựng 15 tuyến đường liên xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện dài 75,87 km được nhựa hóa đạt 100% (trong đó, đường huyện 08 tuyến, dài 63,97km, đường xã 07 tuyến, dài 11,9km); xây dựng 154 tuyến đường có ô tô đi đến trung tâm xã, đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa 290,58/ 332,13 km, đạt 87,5%; xây dựng 279 tuyến đường ngõ xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa 192,9/ 238,8km, đạt 80,8%; xây dựng 104 tuyến đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm 153,99/202,50 km, đạt trên 76%; xây dựng 308 cây cầu bê tông cốt thép và nhiều tuyến đường đanl ngõ xóm đảm bảo cho Nhân dân đi lại thuận tiện, không còn đường lầy lội vào mùa mưa.

 Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đã cơ bản hoàn thiện, đáp ứng 100% nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 2 về Giao thông* *theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

*2.2.2. Về Thủy lợi*

Để xây dựng huyện nông thôn mới, Ủy ban nhân dân huyện đã xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai toàn diện các nội dung chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn, đôn đốc các xã, thị trấn thực hiện các nội dung của tiêu chí Thủy lợi theo kế hoạch. Huyện được sự quan tâm của Trung ương, của Tỉnh trong việc đầu tư nhiều nguồn vốn để thực hiện các công trình xây dựng nông thôn mới, trong đó có công trình thủy lợi, vì vậy đến nay hệ thống thủy lợi của huyện đã cơ bản được nạo vét đồng bộ, tạo thành một hệ thống thủy lợi liên xã theo đúng quy hoạch, đáp ứng được nhu cầu nước phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh, gắn liền với việc phòng, chống thiên tai tại chỗ.

Hiện nay, toàn huyện có 11 cống cấp I và 60 cống cấp II; có 1.017 tuyến kênh, tổng chiều dài 1.080,7km, trong đó có 38 kênh cấp I chiều dài 163,1km; 220 kênh cấp II, chiều dài 346,9 km; 759 kênh cấp 3 chiều dài 570,7km.

 Hệ thống thủy lợi của huyện đã được thực hiện khép kín, chủ động nước phục vụ tưới, tiêu cho 25.057/26.376,80 ha diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện, đạt 95%.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi* *theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

*2.2.3. Về Điện*

Năm 2021 có 03 xã đạt tiêu chí 4 (xã Phước Hảo, Hòa Lợi, Đa Lộc), để tiếp tục triển khai, thực hiện tiêu chí trên địa bàn các xã, huyện chỉ đạo ngành chuyên môn, tích cực phối hợp, hỗ trợ ngành điện triển khai các dự án, công trình điện được đầu tư, xây dựng, nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống điện.

Đến nay lưới điện được phân phối đáp ứng cơ bản về yêu cầu kỹ thuật và được kết nối truyền dẫn liên xã, ấp với tổng số có 318,820 km đường dây trung thế và 793,606 km đường dây hạ thế và 716 trạm biến áp, dung lượng 62.825 kVA Lưới điện phân phối liên xã, đáp ứng thông số kỹ thuật quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và đảm bảo phục vụ sản xuất 100%. Đến nay tổng số hộ sử dụng điện là 40.463/40.575 hộ, đạt tỷ lệ 99,72%; số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn có 40.384/40.463 hộ, đạt 99,8%, đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu điện sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của Nhân dân

- Triển khai Dự án Cung cấp điện cho các hộ dân chưa có điện chủ yếu là đồng bào dân tộc Khmer trên địa bàn huyện Châu Thành được triển khai 03 giai đoạn trên địa bàn 13 xã, với khối lượng: Đường dây trung áp 38,941 km; Đường dây hạ áp 157,75 km; Trạm biến áp/dung lượng 114/2.295 kVA; lắp đặt công tơ nhánh rẽ vào nhà cho 5.024 hộ dân (2478 hộ Khmer). Nâng tỷ lệ hộ Khmer có điện sử dụng chiếm 99,25%; Dự án khắc phục hộ câu nối đuôi không an toàn cho hộ nghèo, cận nghèo thực hiện hoàn thành dự án xóa hộ sử dụng điên câu đuôi cho 201 hộ nghèo, cận nghèo, kinh phí do ngân sách ngành điện đầu tư với số tiền 2,9 tỷ đồng.

- Đối với những hộ dân cách xa trục đường điện, UBND huyện chỉ đạo phòng chuyên môn phối hợp với hai ngành điện (Điện lực, Điện nông thôn và hợp tác xã điện) và UBND các xã đã vận động Nhân dân đổ trụ hoặc thay thế trụ gỗ tạp bằng gỗ chắc chắn để nâng cấp đường dây, mắc điện kế đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và hướng dẫn của Sở Công thương đảm bảo sử dụng điện an toàn.

*Đánh giá:* *13/13 xã đạt tiêu chí số 4 về Điện nông thôn theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

*2.2.4. Về Trường học*

Năm 2011, toàn huyện có 55 trường học *(Trong đó, Mẫu giáo có 14 trường; Tiểu học có 25 trường; Trung học cơ sở có 12 trường; THPT có 04 trường).* Tuy nhiên, chỉ có 07/55 trường có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn quốc gia, chiếm 12,72%.

Đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, giai đoạn 2011-2021, toàn huyện đã huy động các nguồn vốn cải tạo 570 phòng học, xây dựng mới 296 phòng học, 294 phòng chức năng và 57 công trình phụ trợ như: Hàng rào, nhà xe, hệ thống thoát nước, sân đường, nhà vệ sinh, mua sắm trang thiết bị dạy học,... với tổng kinh phí đầu tư là 385,8 tỷ đồng. Trong đó, nguồn kinh phí sự nghiệp giáo dục của ngành đầu tư cho các trường là 75,6 tỷ đồng. Ngoài ra, kinh phí đầu tư cho 04 trường THPT để đạt chuẩn quốc gia là 58,8 tỷ đồng. Do sắp xếp lại mạng lưới trường lớp trên địa bàn huyện nên hiện nay huyện còn lại tổng số là 44 trường, trong đó có 36/44 trường học các cấp có cơ sở vật chất và trang thiết bị đạt chuẩn Quốc gia, đạt 81,81% *(tăng 29 trường đạt chuẩn Quốc gia về cơ sở vật chất so với năm 2011).*

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học* *theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

*2.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa*

Trước khi triển khai xây dựng nông thôn mới, cơ sở vật chất văn hóa, khu vui chơi, giải trí ở cấp huyện có nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân địa phương, các xã chưa có sân vận động đạt chuẩn và cũng chưa có khu vui chơi, giải trí dành cho người cao tuổi và trẻ em, nhà văn hóa xã, ấp diện tích còn nhỏ, cơ sở vật chất rất hạn chế, chưa có nhà văn hóa xã, ấp đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Đến khi triển khai xây dựng nông thôn mới, huyện xác định cơ sở vật chất văn hóa không thể thiếu cho sự phát triển đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Từ đó, huyện đã đầu tư xây dựng mới 13/13 nhà văn hóa cấp xã, mỗi xã đều có 02 phòng chức năng; quy mô nhà văn hóa xã từ 200 – 300 chỗ ngồi, phục vụ hội, họp và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng ở địa phương. Toàn huyện có 06 xã có sân bóng đá *(diện tích từ 4000 – 6000m2, riêng sân bóng xã Hòa Lợi 11.446m2)* và 01 sân bóng đá của huyện, diện tích chung 34.000 m2, đối với các xã chưa có sân bóng, trước mắt có văn bản thỏa thuận sử dụng chung sân bóng với xã bạn và đã đưa vào quy hoạch xây dựng sân bóng. Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện có 09 sân bóng đá mini; 100% ấp đều có khu thể thao đáp ứng cho nhu cầu thể dục, thể thao cho thanh niên và Nhân dân trong ấp. Các xã đều trang bị sân thể thao, khu vui chơi, giải trí, thể thao riêng dành cho trẻ em và người cao tuổi... theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch. Huyện hiện có 103/103 ấp có nhà văn hóa được nâng cấp và xây dựng mới, đạt 100%, với quy mô từ 80 - 100 chỗ ngồi, phục vụ cho nhu cầu vui chơi và sinh hoạt cộng đồng, có bố trí đầy đủ cơ sở vật chất cho nhà văn hóa *(tăng 89 nhà văn hóa so với năm 2011)*. Các thiết chế văn hóa được đầu tư đảm bảo theo quy định. Trung tâm Văn hóa – Thông tin và Thể thao huyện được đầu tư xây dựng đảm bảo tiêu chuẩn và hoạt động hiệu quả, tổng diện tích 9.550 m2 *(gồm nhà làm việc, hội trường; nhà thi đấu đa năng; Hồ bơi)*; Quãng trường có diện tích 2000 m2.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa* *theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

*2.2.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn*

- Năm 2011 huyện có 16 chợ, trong đó 11 chợ kiên cố, 02 chợ bán kiên cố, 03 chợ tạm, những năm tiếp theo do nhu cầu mua bán của người dân nên đã xây dựng mới 02 chợ tạm này thành chợ kiên cố, nâng đến nay toàn huyện có 13 chợ kiên cố, 02 chợ bán kiên cố và 01 chợ tạm. Trong đó, chợ thị trấn Châu Thành là chợ hạng 2, còn lại là chợ hạng 3. Các xã đều đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo chuẩn của Bộ Công thương đáp ứng yêu cầu mua bán của Nhân dân.

- Các chợ đều có thành lập Ban quản lý, có ban hành nội quy quản lý chợ (trong đó có 03 chợ giao hợp tác xã quản lý, khai thác), có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp riêng theo từng khu vực, theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua; chợ có đầy đủ hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh. So với năm 2011, hiện nay 100% xã nông thôn mới của huyện có hệ thống chợ được đầu tư khang trang đáp ứng nhu cầu thương mại cho Nhân dân.

*Đánh giá:* *13/13 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn* *theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

*2.2.7. Thông tin và Truyền thông*

Hệ thống thông tin và truyền thông trước đây chỉ mới triển khai đến một số xã, ấp, chưa đáp ứng nhu cầu trao đổi và nắm bắt thông tin đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, đến năm 2011 chưa có xã đạt tiêu chí về Thông tin và Truyền thông.

Trong những năm qua, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện phát triển, đã làm cho đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên. Đến nay, 13/13 xã đều có điểm phục vụ bưu chính và có đường truyền internet phủ khắp các ấp trong xã, đảm bảo phục vụ tốt cho sự chỉ đạo điều hành của địa phương, cũng như nhu cầu trao đổi thông tin đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Huyện đầu tư Trạm Truyền thanh cho 13/13 xã và 100% ấp đều có hệ thống loa hoạt động tốt, tiếp sóng phát thanh ngày 2 buổi, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho Nhân dân cập nhật thông tin thường xuyên về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các tin tức trên phương tiện thông tin đại chúng. Toàn huyện hiện có 265 cụm loa với 530 loa, tăng 157 cụm và 314 loa so với năm 2011.

 Khu hành chính làm việc các xã có trang bị máy tính kết nối mạng LAN, mạng Internet; cán bộ, công chức và bộ phận chuyên môn xã đều sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành *(iOffice)*, phần mềm một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến *(iGate)*, hộp thư điện tử công vụ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trong công việc và đẩy mạnh cải cách hành chính. Hệ thống hạ tầng thông tin và truyền thông hiện nay đã đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng của tổ chức và Nhân dân trên địa bàn huyện.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông* *theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020.*

*2.2.8. Nhà ở nông thôn*

Trước khi xây dựng nông thôn mới *(năm 2011),* đời sống nhiều hộ dân còn khó khăn, nhà ở chưa đảm bảo được 3 cứng, nhiều hộ dân còn ở trong những căn nhà tạm, dột nát, có nguy cơ đổ sập.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh và sự nỗ lực của chính quyền các địa phương cùng toàn thể Nhân dân trong huyện, nhiều chương trình, dự án giảm nghèo đã được triển khai thực hiện có hiệu quả, trong đó có chính sách hỗ trợ nhà ở và đất sản xuất. Từ đó tạo điều kiện cho kinh tế huyện nhà phát triển, đời sống người dân được nâng lên, điều kiện sống tốt hơn, hạ tầng nhà ở dân cư ngày càng được người dân đầu tư, xây mới khang trang đáp ứng cho đời sống sinh hoạt. Thực hiện tốt chương trình hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ giải quyết đất ở và giải quyết việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn vùng Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2013 - 2015 và Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc quy định hỗ trợ đất ở cho hộ nghèo *(ngoài đối tượng theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ)*, Quyết định số 167/QĐ-TTg, Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; sửa chữa, xây dựng nhà tình nghĩa cho gia đình chính sách, người có công với cách mạng theo Quyết định 22/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm xây dựng nhà đồng đội và nhà đại đoàn kết từ quỹ vì người nghèo, quỹ an sinh xã hội các cấp; đồng thời vận động Nhân dân xây dựng nhà đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng. Đến cuối tháng 6 năm 2021, toàn huyện có 40.575 căn nhà, trong đó nhà đạt chuẩn Bộ Xây dựng là 37.543 căn, chiếm tỷ lệ 92,53%; số còn lại là nhà chưa đạt chuẩn, huyện không còn nhà tạm, dột nát.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

***2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân***

*2.3.1. Thu nhập*

Trước đây đời sống người dân còn nhiều khó khăn, hiệu quả sản xuất không cao, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế không đảm bảo, tiêu chí thu nhập không đạt. Cuối năm 2011, thu nhập bình quân đầu người của huyện chỉ đạt 19,05 triệu đồng/người/năm. Khi triển khai xây dựng nông thôn mới nhiều chính sách được thực hiện, kết hợp với việc tham quan học tập kinh nghiệm; cùng với việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và phát triển bền vững, mở rộng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị. Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng các loại giống có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, xây dựng cánh đồng lớn, sản xuất lúa chất lượng cao, cải tạo vườn tạp, chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, trồng màu, trồng cây ăn trái có giá trị kinh tế cao như: Bưởi da xanh, trái thanh long ruột đỏ,... Bên cạnh đó, doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh cá thể thành lập mới ngày càng nhiều, hoạt động sản xuất – kinh doanh có hiệu quả; lao động làm công ăn lương thuộc khu vực Nhà nước, tại doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh cá thể mang lại thu nhập cao cho người dân trên địa bàn huyện... góp phần tăng thu nhập cho người dân. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 50,6 triệu đồng/người/năm, *(tăng 31,55 triệu đồng/người/năm so với năm 2011).*

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

*2.3.2. Hộ nghèo*

Năm 2011, tổng số hộ nghèo 8.339/35.864 hộ, chiếm tỷ lệ 23,25%. Cùng với việc thực hiện cơ cấu lại ngành kinh tế của huyện, trong những năm qua huyện đã triển khai thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách giảm nghèo, hỗ trợ kịp thời cho người dân. Đến nay tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 788/40.662 hộ, chiếm tỷ lệ 1,94% *(giảm 21,31%. so với năm 2011).* Dự kiến cuối năm 2021 qua rà soát hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm 1,22% *(giảm hộ nghèo đa chiều theo chuẩn Quyết định số 59/2015)*, như vậy tỷ lệ hộ nghèo của huyện còn 0,72%.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

*2.3.3. Lao động việc làm*

Khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới, tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo rất thấp, cụ thể năm 2011 chỉ có 34.254/83.648 lao động trong độ tuổi lao động có việc làm, chiếm tỷ lệ 40,95%, do phần lớn lực lượng lao động chưa được qua đào tạo nghề, lao động phổ thông là chủ yếu, năng suất lao động thấp.

 Khi có chủ trương xây dựng nông thôn mới, việc rà soát lao động trong độ tuổi được thực hiện chặt chẽ hơn, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với giới thiệu việc làm, thực hiện tốt công tác liên kết, tư vấn và giới thiệu việc làm cho người lao động ở địa phương đến làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh và xuất khẩu lao động. Trong 10 năm qua, huyện đã liên kết đào tạo được trên 250 lớp dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, có 7.250 học viên tham dự. Đến nay, trên địa bàn huyện có 59.535/82.844 người trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động được đào tạo nghề và có việc làm, đạt tỷ lệ 71,86% *(tăng 30,91% so năm 2011).*

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động việc làm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

*2.3.4.Tổ chức sản xuất*

- Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại: Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” và các Kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy “về xây dựng và phát triển kinh tế tập thể”. Kinh tế tập thể của huyện đã có có những chuyển biến tích cực cả về số lượng, chất lượng, hoạt động đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực. Vốn góp cổ phần của HTX thành lập mới cao hơn so với nhiều năm trước, trách nhiệm và quyền lợi của thành viên trong tham gia quản lý điều hành HTX được đảm bảo. Các HTX nông nghiệp có chiều hướng phát triển đa ngành nghề, kinh doanh tổng hợp nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu thành viên. Đời sống của thành viên HTX và người lao động được tăng lên so với nhiều năm trước. Xu thế hợp tác liên kết giữa các HTX với các cơ quan nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tiếp tục mở rộng,… Kinh tế tập thể từng bước khẳng định được vai trò quan trọng và là nhân tố tích cực góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Năm 2011 toàn huyện có 04 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp; cùng với việc đẩy nhanh tiến độ tái cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng sức cạnh tranh; hỗ trợ củng cố, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, nhất là các hợp tác xã tham gia thí điểm theo Quyết định 445 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay trên địa bàn huyện có 17 HTX đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 *(Qua đánh giá phân loại có 02 HTX hoạt động tốt, 07 HTX hoạt động khá; 06 HTX hoạt động trung bình; 02 HTX mới thành lập chưa đánh giá)*, với 1.161 thành viên, vốn điều lệ 19.680 triệu đồng *(tăng 13 HTX so với năm 2011)*. Doanh thu bình quân 6 tháng đầu năm 2021 của 01 HTX lĩnh vực nông nghiệp là 953 triệu đồng. Tình hình hoạt động của các hợp tác xã đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, tạo thêm được nhiều việc làm cho người lao động, các hợp tác xã đã ký kết các hợp đồng hợp tác làm cầu nối giữa doanh nghiệp và thành viên HTX, thể hiện đúng vai trò liên kết theo chuỗi giá trị; tuy bước đầu thành lập có số lượng thành viên ít, hiệu quả hoạt động đạt kết quả chưa như mong đợi của thành viên nhưng cũng đã tạo được lòng tin trong các thành viên và có sức lan tỏa ra bên ngoài nhất là người nông dân. Từ đó, ngày càng có nhiều người tham gia góp vốn vào hợp tác xã. Các hợp tác xã đều được thành lập và chuyển đổi hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có tổ chức bộ máy cụ thể, phân công, phân nhiệm rõ ràng, được hỗ trợ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kế toán hợp tác xã; xây dựng điều lệ hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ của hợp tác xã.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề dịch vụ: Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2020 thực hiện 1.039,1 tỷ đồng, tăng 12,76% so cùng kỳ. Phát triển mới 56 cơ sở, nâng tổng số cơ sở/doanh nghiệptrên địa bàn toàn huyện đến nay có 1.225 cơ sở/doanh nghiệp; Giá trị sản xuất thương mại - dịch vụ năm 2020 đạt 1.937.03 tỷ đồng, đạt 94,52%, so với cùng kỳ tăng 16,16%. Hệ thống các chợ nông thôn ở các xã đáp ứng khá tốt nhu cầu trao đổi, mua sắm hàng hóa của người dân. Mặt khác, huyện đã phối hợp Sở Công thương tổ chức nhiều phiên chợ hàng Việt về nông thôn để tạo điều kiện cho người dân tiếp cận với hàng Việt Nam chất lượng cao, giá cả hợp lý. Đồng thời, thực hiện tốt quản lý thị trường, tăng cường chức năng quản lý nhà nước về chống buôn bán hàng giả, hàng kém chất lượng, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

*2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường*

Các nội dung về văn hóa, giáo dục, y tế và công tác bảo vệ môi trường luôn được Ủy ban nhân dân huyện xác định là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đặc biệt là trong dựng nông thôn mới:

*2.4.1. Giáo dục và Đào tạo*

Năm 2011, toàn huyện chưa có xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; có 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 1; phổ cập giáo dục THCS mức độ 1; phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 1; có 874/1.085 học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông, học bổ túc và học nghề đạt 80,55%.

Khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chất lượng giáo dục và đào tạo trên địa bàn huyện ngày càng được củng cố, nâng lên. Giáo dục mầm non từng năm đều được nâng lên, 100% trẻ em 06 tuổi vào lớp một, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học. Công tác phổ cập giáo dục các cấp học được quan tâm, từ đó tạo điều kiện tốt để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Có 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3; phổ cập giáo dục Trung học cơ sở mức độ 2; đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. Năm học 2020 - 2021, học sinh được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học 1.987/1.987 học sinh, đạt 100%; có 1.548/1.549 học sinh được công nhận tốt nghiệp Trung học cơ sở đạt 99,94% và có 1.283/1.410 học sinh tiếp tục học Trung học phổ thông, học bổ túc và học nghề ở năm học 2020 – 2021, đạt 90,99% *(tăng 10,44% so năm 2011)*.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

 *2.4.2. Về Y tế*

Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện, đồng thời chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể, xã, thị trấn xây dựng kế hoạch phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho nhóm đối tượng tham gia. Tuy nhiên, năm 2011 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế còn thấp chỉ đạt dưới 65%, trong đó chủ yếu các nhóm đối tượng được cấp thẻ là hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội. Còn lại nhóm đối tượng tự tham gia đạt rất thấp, chiếm khoảng 32%.

Thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới, Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Bảo hiểm y tế toàn dân, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên gắn với nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện từng tiêu chí. Việc thành lập Ban chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đã góp phần nâng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng lên đáng kể theo từng năm. Đến nay, tổng số người tham gia bảo hiểm y tế là 142.672/144.128 người, đạt 98,99%.

Trước năm 2011, Trung tâm Y tế huyện Châu Thành đã triển khai thực hiện tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2001-2010; kết quả đến năm 2010 có 08/13 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Chất lượng khám chữa bệnh tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng.

Đến nay, có 13/13 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT của Bộ Y tế và các xã đều duy trì đạt chuẩn sau kiểm tra hàng năm. Chương trình chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em tiếp tục được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn đạt chỉ tiêu; tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi còn 6,61%.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

*2.4.3. Về Văn hóa*

Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện được phát huy hiệu quả, đời sống văn hóa tinh thần của người dân được chăm lo. Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh được quan tâm chỉ đạo thực hiện, chất lượng gia đình văn hóa, ấp, xã văn hóa nông thôn mới từng bước được nâng lên, đời sống tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện, 100% ấp đã hoàn thành xây dựng và triển khai thực hiện tốt các tiêu chuẩn, quy ước phù hợp với thực tế của từng địa phương. Các phong trào lao động sáng tạo, nêu gương người tốt, việc tốt, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội được quan tâm. Phong trào văn hóa, văn nghệ và thể thao thường xuyên được tổ chức gồm các hoạt các hoạt động sinh hoạt văn hoá cộng đồng như: Hội diễn, hội thi văn nghệ, hát đàn ca tài tử và các môn thi đấu thể thao *(bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bi sắt,...).* Qua đó thu hút đông đảo người dân địa phương tham gia, nhất là các ngày lễ, hội lớn hàng năm. Các hoạt động văn hóa nghệ thuật luôn được quan tâm bảo tồn và phát triển, huyện có 02 đội múa Sa dăm, 09 đội ngũ âm, 01 nghệ nhân làm nhạc cụ Khmer, 01 đội Ghe ngo. Hàng năm, huyện phối hợp với các chùa Khmer trong huyện tổ chức giải bóng chuyền nhân dịp lễ Senl - Dôl - Ta cho thanh niên dân tộc và tuyển chọn vận động viên tham gia thi đấu cấp tỉnh nhân dịp lễ hội Ok-Om-Bok.

Toàn huyện có 47.490 người dân tộc Khmer, chiếm 33,6% dân số chung của huyện. Đời sống văn hóa của đồng bào Khmer trên địa bàn huyện cũng đa dạng và phong phú. Trong những năm qua, cùng với sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước, đồng bào Khmer trên địa bàn huyện đã cùng nhau chung sức xây dựng nông thôn mới, tập trung phát triển kinh tế, giảm nghèo, góp phần làm cho đời sống kinh tế trong đồng bào dân tộc Khmer ngày càng nâng lên. Cụ thể, năm 2011 tổng số hộ nghèo trong đồng bào dân tộc Khmer là 4.167 hộ, chiếm 35,06% nhưng đến cuối năm 2020 đã giảm xuống còn 376 hộ, chiếm 2,83% *(giảm 3.791 hộ, tương đương giảm 32,23% so năm 2011).* Trong đời sống văn hóa của đồng bào dân tộc Khmer, có nhiều hoạt động văn hóa, tinh thần phong phú giàu bản sắc dân tộc đặc trưng như: Tết cổ truyền Chôl - Thnam – Thmây; lễ Senl - Dôl - Ta, lễ hội Ok - Om - Bok. Toàn huyện có 17 chùa phật giáo Nam Tông, trong đó có 03 chùa được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh. Bên cạnh đó, được tỉnh quan tâm đầu tư xây dựng được 01 Làng văn hóa du lịch Khmer Nam bộ tại ấp Ba Se A xã Lương Hòa.

Trong phát triển xây dựng nếp sống văn hóa - nông thôn mới: Toàn huyện có 35.156/38.756 hộ gia đình văn hóa - nông thôn mới, chiếm 90,71%; có 99/103 ấp đạt chuẩn văn hóa, nông thôn mới đạt 96,12% theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành tiêu chuẩn “Ấp văn hóa, Ấp nông thôn mới” “gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; có 13/13 xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới, đạt 100% *(tăng 13 xã văn hóa nông thôn mới so với năm 2011)* và Thị trấn Châu thành được công nhận văn minh đô thị.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

2.4.4. Về môi trường

Khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới, tình hình môi trường nông thôn còn nhiều hạn chế, rác thải sinh hoạt chưa được thu gom xử lý tập trung, chất thải chăn nuôi còn nhiều trường hợp thải trực tiếp ra môi trường, gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ, tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh chiếm 65%, nước sạch chiếm 33%, cảnh quang môi trường chưa được quan tâm cải tạo, an toàn thực phẩm chưa được chú trọng, mỗi nơi làm một kiểu, chưa có sự thống nhất, do đó năm 2011 chưa có xã đạt tiêu chí môi trường.

Sau khi Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được triển khai, công tác bảo vệ môi trường đã được các cấp chính quyền triển khai sâu rộng và được đông đảo nhân dân đồng tình ủng hộ. Đến nay toàn huyện có 11 trạm cấp nước tập trung, công suất các trạm cấp nước đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân trên địa bàn huyện, cụ thể có 40.545/40545 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 100%. Trong đó, hộ sử dụng nước sạch từ các trạm cấp nước tập trung 31.348/40.545 đạt 77,31% (tăng 44,31% so năm 2011).

Thời gian qua chính quyền địa phương luôn tập trung làm tốt công tác tuyên tuyền vận động đến tất cả các cơ sở sản xuất, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Qua kiểm tra các cơ sở đều đảm bảo vệ sinh, đảm bảo quy định về môi trường, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đến nay trên địa bàn huyện có 1.310/1.310 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng có đăng ký thủ tục môi trường và thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, đạt tỷ lệ 100% (Trong đó riêng thị trấn Châu Thành có 117 cơ sở, 13 xã có 1193 cơ sở). Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ có tác động đến môi trường đều có các biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) đúng quy định.

Các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu là nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản của huyện, nước thải nuôi trồng thủy sản được xử lý qua ao lắng và dùng chất khử trùng diệt khuẩn trước khi thải ra môi trường.

Trên địa bàn huyện có 03 làng nghề tiểu thủ công nghiệp đều có Phương án bảo vệ môi trường làng nghề theo quy định tại Thông tư số 31/2016/TT-BTNMT ngày 14/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường gồm: Làng nghề sản xuất rượu Xuân Thạnh xã Hòa Thuận (Quyết định phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường số 5849/QĐ-UBND ngày 25/12/2018); Làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã Hưng Mỹ (Quyết định phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường số 73/QĐ-UBND ngày 17/8/2020); Làng nghề đan đát - thủ công mỹ nghệ xã Lương Hòa (Quyết định phê duyệt Phương án bảo vệ môi trường số 75/QĐ-UBND ngày 21/8/2020).

Về xây dựng cảnh quang, môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Từ năm 2017 đến nay thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh về xây dựng cảnh quan môi trường, hệ thống cây xanh trên địa bàn được tăng cường trồng mới phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo cảnh quan cũng như cải thiện môi trường không khí, đặc biệt tại trụ sở, các trường học, các tuyến đường giao thông,... Các tuyến đường làng, ngõ xóm, kênh mương, ao hồ và các khu vực công cộng được vệ sinh môi trường thường xuyên sạch sẽ, thông qua các phong trào "*Thứ bảy tình nguyện*", *“Chủ nhật xanh”* của các xã, thị trấn; phong trào “*5 không 3 sạch*”, *“Tuyến đường hoa”* của Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, “Câu lạc bộ bảo vệ môi trường” của Hội Cựu Chiến binh; 100% số xã đạt chỉ tiêu đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh, sạch, đẹp, không có hoạt động làm suy giảm môi trường. Toàn huyện xây dựng được 52 tuyến đường sáng- xanh - sạch - đẹp, với chiều dài 131 km, trồng các loại cây như: Kim Phượng, Giáng Hương, Hoàng Yến, Hoa Giấy.... trên các tuyến Quốc lộ, Tỉnh lộ và dọc các tuyến đường giao thông nông thôn đã hình thành nên những tuyến đường hoa, tạo vẽ mỹ quan cho xã nông thôn mới. Thực hiện Chương trình “Thắp sáng đường quê”, nhìn chung 100% Tỉnh lộ, Hương lộ, đường liên ấp đều xây dựng đèn đường tích hợp treo cờ Tổ quốc, thực hiện phương châm xã hội hóa với khẩu hiệu: “*Hoa nở về ngày*, *đường sáng về đêm”,* kết quả đã xây dựng 178,72 km đèn đường với 5.495 trụ đèn. Trong năm 2021, tổng số lượt người tham gia ra quân dọn dẹp vệ sinh, khơi thông cống rãnh: 33.443 người, tổng lượng rác thu gom xử lý khoảng 232,11tấn, chiều dài cống rãnh được khơi thông khoảng 31,5km, phát hoang bụi rậm, đường giao thông được 688,45 km, phát thanh tuyên truyền 142 cuộc, trồng và chăm sóc 31.620 cây xanh.

Huyện có một nghĩa trang liệt sĩ tại trung tâm huyện được quản lý và sử dụng đúng quy định, các xã khác cũng có quy hoạch nghĩa trang. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có 16 nhà hỏa táng của đồng bào dân tộc Khmer và các khu đất thánh do đồng bào công giáo lập nên, dùng để chôn cất khi giáo dân qua đời.

Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, cơ sở sản xuất - kinh doanh được thu gom, xử lý theo quy định. Cụ thể: Đang triển khai thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt theo Phương án 02/PA-UBND ngày 01/12/2015, Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 và Quyết định số 1743/QĐ-UBND ngày 23/5/2019.

Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 70,32 tấn/ngày (Trong đó đô thị 5,05 tấn, nông thôn 65,27 tấn); trừ một số tuyến đường chính trên địa bàn thị trấn Châu Thành và một số địa phương thực hiện thu gom rác theo giờ cố định nên không bố trí thùng rác, còn lại, trên các trục lộ chính đều được bố trí thùng rác (với 924 thùng hiện hữu) và có xe thu gom rác chuyên dụng để thu gom đảm bảo công tác vệ sinh môi trường được HTX Xây dựng môi trường Trà Vinh thu gom, vận chuyển về Bãi rác xã Hòa Lợi và Bãi rác Lương Hòa A 30,5 tấn/ngày.

Ngoài ra, rác thải sinh hoạt phát sinh còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư từ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm và do Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ đến nay khoảng 660 thùng cho 660 hộ (Tương đương khoảng 2.441 người) và phát huy hiệu quả, xử lý rác được khoảng 1,16 tấn/ngày.

Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom thì thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt theo hướng dẫn của chính quyền địa phương bằng cách đào hố chôn lấp, ủ phân hữu cơ (hình thức hố rác di động) trong khuôn viên đất vườn tại hộ gia đình với khoảng 32.097 hộ (Tương đương khoảng 118.865 người), xử lý khối lượng ước khoảng 37,25 tấn/ngày; số hộ còn lại thực hiện phân loại, tái chế, tái sử dụng, chôn lấp hợp vệ sinh... nâng tổng lượng rác thải sinh hoạt của huyện được thu gom, xử lý khoảng 68,91 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 98%.

Tình hình tại bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt của huyện: Thực hiện đóng cửa bãi rác thị trấn Châu Thành; đã tiến hành cải tạo, nâng cấp bãi rác xã Hòa Lợi, bãi rác xã Lương Hòa A đảm bảo đạt chuẩn và vận hành đúng thiết kế. Thường xuyên phun xịt chế phẩm sinh học, hoạt chất diệt côn trùng tại các bãi rác. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có dự án “Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Trà Vinh, công suất giai đoạn 1 là 150 tấn/ngày đêm” đặt tạ xã Lương Hòa, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án (Hạng mục hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m2/ngày đêm và hệ thống xử lý khí thải lò đốt SH7-2000 công suất 02 tấn/giờ) tại giấy xác nhận số 03/GXN-STNMT ngày 02/4/2021, dự kiến khi dự án này đi vào hoạt động đủ công suất sẽ định hướng tiếp nhận và xử lý lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện.

Nước thải tại các khu dân cư tập trung ở các xã đều có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có tình trạng ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, hàng tuần các địa phương tổ chức khơi thông cống rãnh, tạo dòng chảy thông thoáng đảm bảo nhu cầu thoát nước. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh nước thải sản xuất đều có biện pháp thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Các xã trên địa bàn huyện đều triển khai cho các ấp thực hiện quy ước bảo vệ môi trường và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt gắn với Quy ước văn hóa.

Tình hình thu gom, xử lý chất thải trên địa bàn huyện:

*- Đối với chất thải rắn xây dựng:* Các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn tương đối ít chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, cá nhân; hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu, chưa có đơn vị chuyên thu gom xử lý chất thải rắn xây dựng.

*- Đối với chất thải rắn nông nghiệp:* Chất thải rắn nông nghiệp chủ yếu là phụ phẩm nông nghiệp có tính tái sử dụng cao thường được tận dụng cho mục đích chăn nuôi và trồng trọt. Riêng đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật do có chứa thành phần nguy hại và tồn lưu lâu ngoài môi trường nên có tuyên truyền đến nông dân và tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Toàn huyện đã bố trí 558 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật đúng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Hàng năm ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom rác thải nguy hại định kỳ 06 tháng/lần để thu gom chất thải nguy hại phát sinh (Trong năm 2020 thu gom, xử lý 3132 kg). Đồng thời, tiếp tục tuyên truyền và nhân rộng mô hình bể thu gom để hạn chế tình trạng nông dân thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ngoài đồng. Dự kiến tháng 11/2021 bố trí thêm 50 bể chứa, tiếp tục thu gom ước khoảng 4000 kg và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý đạt tỷ lệ 100%.

*- Đối với chất thải y tế trên địa bàn:* Theo số liệu thống kê năm 2020, trên địa bàn huyện có tổng cộng 03 bệnh viện cấp tỉnh(Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Lao phổi, Bệnh viện Y dược cổ truyền), 01 Trung tâm Y tế, 01 phòng khám khu vực ở Hòa Minh và 13 Trạm y tế:

+ Lượng chất thải y tế thông thường phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện khoảng 15,0 kg/ngày, chủ yếu là vỏ, bao bì, chai lọ đựng thuốc, vật tư y tế thải sau khi sử dụng không nhiễm thành phần nguy hại. Tính chất loại chất thải này không độc hại và một số có thể tái sử dụng, còn lại có thể xử lý như chất thải rắn sinh hoạt. Rác thải y tế phát sinh tại Trung tâm y tế huyện, các Trạm y tế và cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn huyện được thực hiện quản lý theo mô hình cụm xử lý tại Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 và Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ xử lý đạt 100%.

+ Tổng lượng nước thải y tế phát sinh trên địa bàn huyện Châu Thành là 204,5 m3/ngày đêm, trong đó phát sinh từ các cơ sở y tế tuyến huyện 36,5 m3/ngày đêm (Trung tâm y tế huyện Châu Thành: 36m3/ngày đêm, các Trạm Y tế cấp xã: 0,5 m3/ngày đêm) và các cơ sở y tế tuyến tỉnh đóng trên địa bàn huyện 162 m3/ngày đêm.

+ Đối với Trung tâm Y tế huyện Châu Thành và các cơ sở khám chữa bệnh thuộc tuyến tỉnh: Các cơ sở trực thuộc sở Y tế đều có hệ thống xử lý nước thải riêng ở từng cơ sở thu gom và xử lý lượng nước thải y tế phát sinh, không để ảnh hưởng đến môi trường và người dân xung quanh khu vực cơ sở khám chữa bệnh trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

+ Đối với các trạm y tế các xã/thị trấn: Hiện nay, do cơ sở y tế tuyến xã chỉ có các hoạt động đơn giản như tiêm phòng, cấp phát thuốc, sơ cứu nên nước thải y tế phát sinh rất ít, hầu như không phát sinh, chi phí đầu tư xây dựng và vận hành hệ thống xử lý cao, do đó hiện tại các trạm y tế xử lý lượng nước thải này bằng hầm tự hoại là chủ yếu.

Thực hiện nề nếp sinh hoạt theo chuẩn văn hóa nông thôn mới đến nay, tỷ lệ hộ có hố xí - nhà tắm hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn 13 xã nông thôn mới là 35.434/38.890hộ, đạt 82%.

Huyện có 04 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung. Các cơ sở đều có thực hiện tốt cam kết bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản theo đúng quy định. Trong chăn nuôi thường xuyên làm tốt công tác vận động tuyên truyền cho hộ chăn nuôi có ý thức bảo vệ môi trường, phát các tờ rơi hướng dẫn xử lý rác thải trong chăn nuôi cũng như tập huấn phương pháp xây dựng hầm biogas đảm bảo vệ sinh môi trường. Cơ sở chăn nuôi đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của Luật thú y. Chuồng trại đảm bảo vệ sinh, chất thải chăn nuôi cơ bản được thu gom xử lý theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Toàn huyện đến nay có 13.415/14.857 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh, đạt 90,25%.

Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm kịp thời quán triệt và xây dựng các Kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh về an toàn thực phẩm như công tác thông tin, truyền thông về an toàn thực phẩm để nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm trong các ngày lễ, ngày tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Trong thời gian qua, huyện đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức 108 lớp tập huấn tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm có 3.776 lượt người dự, hàng năm có khoảng 30% các cơ sở sản xuất kinh doanh được thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 23.121 hộ gia đình và cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm được kiểm tra, giám sát và thực hiện cam kết sản xuất kinh doanh an toàn theo quy định, đạt 100%. Đặc biệt, từ năm 2011 đến nay trên địa bàn huyện chưa xảy ra ngộ độc thực phẩm.

Cơ quan, Trường học, Xí nghiệp trên địa bàn các xã nông thôn mới đều đảm bảo xanh - sạch - đẹp và được công nhận cơ quan văn hoá, đạt 100%.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

**2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị - xã hội và giữ gìn an ninh trật tự**

*2.5.1. Xây dựng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật*

Hệ thống chính trị ở cấp xã và các khu dân cư thường xuyên được huyện chỉ đạo củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội trong xây dựng nông thôn mới luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các nội dung về quốc phòng, an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tới các đơn vị có thẩm quyền triển khai thực hiện.

Trước năm 2011 số lượng cán bộ, công chức các xã đủ theo quy định, nhưng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ. Đến nay, tổng số cán bộ, công chức của 13/13 xã đều đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ về chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo hoàn thành hiệu quả công việc trong giai đoạn hiện nay.

Có 13/13 xã có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định gồm: Đảng cơ sở; Nhà nước; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Hội Phụ nữ; Hội Nông dân; Hội Cựu chiến binh; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn.

 Đảng bộ xã cuối năm 2020 qua kiểm tra đánh giá xếp loại có 07/13 xã “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; 06/13 xã “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu *“Chính quyền cơ sở vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ”.*

Cuối năm 2020, qua đánh giá 13/13 xã, các tổ chức chính trị - xã hội đều được cơ quan cấp trên công nhận đạt loại khá trở lên.

Qua kiểm tra đánh giá cuối năm 2020, 13/13 xã nông thôn mới đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm, đảm bảo: 13/13 xã có tỷ lệ nữ tham gia Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ đạt trên 15%, 13/13 xã có quy hoạch lãnh đạo chủ chốt là nữ; 13/13 xã có phụ nữ thuộc diện hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình, vốn ngân hàng chính sách.

Có 100% xã ngay từ đầu năm, Đảng ủy – Hội đồng nhân dân có xây dựng Nghị quyết và Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch xây dựng nông thôn mới.

Tỷ lệ dân số trong độ tuổi tham gia tổ chức chính trị - xã hội, xã hội – nghề nghiệp đạt trên 85%.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

*2.5.2. Xây dựng nền quốc phòng, an ninh nhân dân vững mạnh*

13/13 xã có đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy Quân sự cấp xã được tổ chức biên chế theo quy định. Các Chỉ huy trưởng, Phó Chỉ huy trưởng được đào tạo từ trung cấp chuyên nghiệp Quân sự trở lên; hằng năm xây dựng lực lượng Dân quân tự vệ tham gia tập huấn, huấn luyện bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo đúng và hoàn thành. Các xã đều được bố trí phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, phòng nghỉ cho dân quân trực thường xuyên cũng như khi tập trung trực sẵn sàng chiến đấu bảo vệ các ngày lễ, tết, bảo đảm trang thiết bị cho dân quân trực đúng theo quy định. Hàng năm, tổ chức đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi Dân quân, phát triển mới và xây dựng LLDQ bảo đảm chất lượng, biên chế đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân tự vệ. Tính đến nay DQTV toàn huyện đạt 1,25% so với dân số, Đảng viên chiếm 21,59% so với quân số. Có 100% Chi bộ Quân sự có Chi ủy và 100% Tiểu đội trưởng và Trung đội trưởng, ấp đội trưởng đều là đảng viên.

Hằng năm Huyện hoàn thành chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương được đăng ký quân dự bị và được quản lý chặt chẽ. Huy động và triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

Những năm trước đây tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện còn nhiều diễn biến phức tạp. Các tổ chức phản động bên ngoài đẩy mạnh hoạt động tuyền truyền xuyên tạc, tình hình trong dân tộc, tôn giáo, tranh chấp, khiếu kiện, hoạt động truyền đạo trái pháp luật, hoạt động tội phạm hình sự, kinh tế, ma túy từng lúc, từng nơi diễn biến phức còn tạp, nổi cộm là trộm cắp tài sản, giết người,....

Khi thực hiện xây dựng nông thôn mới tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn các xã trong những năm qua luôn được giữ vững và ổn định. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội gắn với thực hiện Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, chủ động đấu tranh phòng chống các loại tội phạm, ma túy, bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng được 15 loại mô hình với 190 câu lạc bộ phòng, chống tội phạm. Trong đó, có nhiều mô hình hoạt động có hiệu quả, điển hình như: Mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo”, mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại gia đình và cộng đồng dân cư”, mô hình “Phát hiện, Tố giác và vây bắt tội phạm”, mô hình “Bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ”, mô hình “3 Giảm 3 giữ”, mô hình câu lạc bộ nông dân “3 tốt”,… được các cấp tặng nhiều giấy khen, bằng khen như: 166 Giấy khen của Giám đốc Công an tỉnh, 1.287 giấy khen của UBND huyện, 15 Bằng khen của UBND tỉnh, 05 Bằng khen của Bộ Công an. Tình hình trật tự an toàn xã hội được kiềm chế và kéo giảm, góp phần giữ vững cuối năm 2020 kiểm tra đánh giá 108/108 ấp, khóm được công nhận an toàn về an ninh trật tự và 13/13 xã đạt chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2020.*

**3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

***3.1. Tiêu chí số 1 về Quy hoạch***

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 và được công bố công khai.

Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt.

*- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

Huyện chưa có thực hiện quy hoạch chung về vùng huyện, chỉ có quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011 - 2015; Tuy nhiên, các quy hoạch vẫn còn chưa đáp ứng yêu cầu cho xây dựng huyện nông thôn mới.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

 Trên cơ sở Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 35/2016/TTBNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, nhằm tạo cơ sở, tiền đề quản lý, định hướng phát triển huyện Châu Thành kết nối đồng bộ, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, huyện Châu Thành đã hoàn thành công tác lập quy hoạch vùng huyện và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số ……../QĐ-UBND ngày …./9/2021 về phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040. Có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt tại quyết định …..

*- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***3.2. Tiêu chí số 2 về Giao thông***

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Đường bộ: Có 100% km đường huyện đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm và kết nối tới trung tâm hành chính các xã trên địa bàn; tỷ lệ mặt đường huyện được nhựa hóa hoặc bê tông xi măng hóa đạt 100%. Cấp kỹ thuật đường huyện đạt tiêu chuẩn theo TCVN 4054:2005; cấp đường huyện phù hợp với quy hoạch được duyệt. Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, phù hợp với cấp đường quy hoạch. Có 100% km đường huyện được bảo trì hàng năm.

+ Đường thủy: Đường thủy nội địa do địa phương quản lý được lắp đặt hệ thống báo hiệu đảm bảo an toàn, thuận tiện cho các phương tiện lưu thông. Các bến thủy nội địa phục vụ vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo các điệu kiện về an toàn và được cấp phép hoạt động.

+ Vận tải: Bến xe khách tại trung tâm huyện *(nếu có theo quy hoạch)* tối thiểu đạt loại 4; bố trí điểm dừng, điểm đỗ tại trung tâm các xã dọc theo quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có tuyến vận tải khách công cộng theo quy hoạch.

*- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

+ Đường bộ: Hệ thống giao thông nông thôn của huyện rất khó khăn trong việc đi lại, mua bán, phần lớn là đường đất, nhỏ; Những tuyến QL 53, 54, 60 qua địa bàn huyện được nhựa hóa, bề rộng mặt đường tối đa 6m; Đường tỉnh 911 được nhựa hóa bề rộng mặt đường từ 3,5 đến 6m, Đường tỉnh 912 được nhựa hóa và đất bề rộng mặt đường 6m; Đường huyện 10, 11, 13, 14, 16, 30 được nhựa hóa và bê tông hóa bề rộng mặt đường 2,5 đến 3,5m *(chưa có đường huyện 9)*; Đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã có tổng cộng 609 km mặt đường từ 1,5 đến 2,5m, trong đó: Đường nhựa dài 34,5km; Đường đan BTCT dài 196,7km; Đường cấp phối đá dài 20,5km; Đường đất dài 357km.

Hệ thống đường giao thông vẫn còn chưa đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân, các tuyến đường ngõ xóm còn lầy lội, các tuyến đường trục chính nội đồng chưa được xây dựng đầy đủ để phục vụ cho lưu thông hàng hóa, các tuyến liên ấp trục ấp thiếu và nhiều tuyến đường xuống cấp ít được duy tu sửa chữa.

+ Đường thủy: Huyện có một số tuyến giao thông thủy quan trọng như: Sông Đai Tèng; Rạch Bà Trầm; Kênh Ông Xây;Kênh Bắc Phèn; Kênh Đường Trâu; Kênh Xáng 1; Kênh Xáng 2; Kênh Tầm Phương; Kênh thống nhất; Rạch Bàng Đa; Rạch Giửa; Rạch Ngãi Hiệp; Rạch Tân Luôn; Rạch Vạng Nhất; Rạch Vồn; Sông Bãi Vàng và nhiều tuyến sông khác như sông Cổ Chiên. Tuy nhiên, các bến giao thông, các tuyến luồng lưu thông chưa được lấp biển cảnh báo nguy hiểm, một số hệ thống kênh chưa được nạo vét để lưu thông dòng chảy, ảnh hưởng đến việc tưới tiêu, nuôi trồng của người dân.

+ Vận tải: Do huyện có vị trí tiếp giáp Thành phố Trà Vinh nên trên địa bàn huyện không có bến xe và không có quy hoạch bến xe.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

+ Đường bộ: Đến nay toàn huyện có 611 tuyến đường giao thông, với chiều dài 1.091,2km, tổng số 308/360 cầu kiên cố, cụ thể gồm: 03 tuyến Quốc lộ 53, 54, 60 đi qua với chiều dài 33,4km đã được mở rộng và thảm nhựa 100%; 03 tuyến đường tỉnh 911, 912, 915B với chiều dài 41,4km đã được mở rộng và thảm nhựa 100%; 08 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 63,97km được nhựa hóa 100%, các xã đều có đường ô tô kết nối với Trung tâm hành chính xã; Đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT với tổng chiều dài 290,6/332,1km đạt 87,5%; Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%. Trong đó, được cứng hóa đảm bảo đạt cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT là 192,9/238,8km, đạt 80,8%; Đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đảm bảo cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT với tổng chiều dài 154km/202,5km, đạt 76%.

Hệ thống đường giao thông tương đối phù hợp với cấp đường theo quy hoạch, phù hợp với quy hoạch mạng lưới giao thông của huyện. Hệ thống cầu, cống trên các tuyến đường huyện được xây dựng kiên cố, đáp ứng nhu cầu của người dân, Hàng năm có kế hoạch bảo trì, sửa chữa các tuyến đường, cầu, cống bị hư hỏng đảm bảo giao thông được thông suốt và an toàn.

+ Đường thủy: Huyện có một số tuyến giao thông thủy quan trọng như: Sông Đai Tèn; Rạch Bà Trầm; Kênh Ông Xây; Kênh Bắc Phèn; Kênh Đường Trâu; Kênh Xáng 1; Kênh Xáng 2; Kênh Tầm Phương; Kênh thống nhất; Rạch Bàng Đa; Rạch Giửa; Rạch Ngãi Hiệp; Rạch Tân Luôn; Rạch Vạng Nhất; Rạch Vồn; Sông Bãi Vàng và nhiều tuyến sông khác như sông Cổ Chiên, tạo thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, các tuyến giao thông thủy trọng yếu đều được lắp đặt biển cảnh báo đảm bảo an toàn cho phương tiện lưu thông. Hệ thống kênh rạch phục vụ vận chuyển hàng hóa, sản xuất nông nghiệp và lưu thông thủy với tổng chiều dài 63,5 km hàng năm đã được nạo vét. Huyện có 42 bến thủy nội địa hoạt động đảm bảo an toàn theo quy định *(trong đó, có 28 bến hàng hóa và 14 bến khách ngang sông)* được Sở Giao thông vận tải cấp phép đủ điều kiện hoạt động an toàn theo quy định. Đồng thời, được Ban an toàn giao thông huyện xây dựng mô hình “*Văn hóa giao thông với bình yên sông nước*” và đi vào hoạt động.

Hiện nay hệ thống giao thông thủy của Huyện tương đối hoàn thiện và thường xuyên được bảo trì hàng năm.

+ Vận tải: Do huyện có vị trí tiếp giáp Thành phố Trà Vinh nên trên địa bàn huyện không có bến xe và không có quy hoạch bến xe.

 *- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí về giao thông theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***3.3. Tiêu chí số 3 về Thủy lợi***

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Hệ thống thủy lợi liên xã *(bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan với nhau về khai thác và bảo vệ từ 02 xã trở lên)* được xây dựng phù hợp với quy hoạch thủy lợi đã được phê duyệt.

Có tổ chức quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã hoạt động hiệu quả bền vững.

*- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

Năm 2011, hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện Châu Thành tuy có đầu tư xây dựng nhưng chưa hoàn chỉnh, từ kênh trục chính (cấp II) đến các tuyến kênh nhánh nội đồng (cấp III). Do trong quá trình sử dụng thời gian dài và không được nạo vét thường xuyên nên bị bồi lắng, độ sâu không đáp ứng nhu cầu tích nước để tưới tiêu, đê bao chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến tình trạng một số khu vực còn thiếu nước cục bộ vào mùa khô và ngập úng vào mùa mưa, gây ảnh hưởng không nhỏ cho sản xuất nông nghiệp và lưu thông hàng hóa của nhân dân, chưa chủ động trữ nước ngọt phục vụ tốt sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi của huyện chỉ thực hiện khép kín, chủ động nước phục vụ tưới, tiêu cho 16399,5 ha/25.230 ha, diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện, đạt 62,39%.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hệ thống thủy lợi liên xã được thực hiện đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch. Các tuyến kênh trục chính, kênh sườn trên địa bàn huyện đều được thông tuyến và đấu nối với các hệ thống sông chính phù hợp với quy hoạch phục vụ cho sản xuất. Hiện nay toàn huyện có 1.017 tuyến kênh, tổng chiều dài 1.080,7km, trong đó có 38 kênh cấp I chiều dài 163,1km; 220 kênh cấp II, chiều dài 346,9 km; 759 kênh cấp 3 chiều dài 570,7km, có toàn huyện có 11 cống cấp I và 60 cống cấp II đảm bảo ngăn mặn, trữ ngọt, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và dân sinh. Đặc biệt là hệ thống cống Tầm Phương và đê bao Tầm Phương mở rộng phục vụ ngăn mặn, trữ ngọt điều tiết nước, phục vụ sản xuất và đảm bảo tốt cho lưu thông, vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy của cả huyện.

Thực hiện tốt công tác quản lý khai thác hệ thống thủy lợi liên xã: Trên địa bàn huyện có Xí nghiệp Thủy nông huyện trực thuộc Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi tỉnh Trà Vinh thực hiện việc quản lý, khai thác hệ thống thủy lợi liên xã trong huyện, hoạt động hiệu quả và bền vững, đảm bảo phục vụ sản xuất và công tác phòng chống thiên tai trên địa bàn; tất cả các công trình thủy lợi do huyện quản lý đều được phân cấp quản lý, giao trách nhiệm rõ ràng đảm bảo việc quản lý và vận hành, điều hòa phân phối cấp nước hợp lý; điều tiết, vận hành các cống, bọng đầu mối, quản lý đúng theo quy định.

Hàng năm có xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa, nâng cấp thường xuyên hệ thống công trình từ nguồn vốn cấp bù dịch vụ công ích thủy lợi; nạo vét kênh trục và kênh nội đồng; xây dựng kế hoạch vận hành các cống đầu mối nhằm chủ động cung cấp và tiêu thoát nước phục vụ sản xuất.

Nhìn chung hệ thống thủy lợi của huyện hiện nay đã được thực hiện khép kín, chủ động nước phục vụ tưới, tiêu cho 25.057/26.376,80 ha diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện, đạt 95%.

*- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí về Thủy lợi theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***3.4. Tiêu chí 4 về điện***

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Các công trình hệ thống điện trung thế liên xã đầu tư trên địa bàn huyện theo quy hoạch, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo nhu cầu sử dụng điện đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

*- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện (đến cuối năm 2010)*: Toàn huyện có 371 Trạm biến áp, với tổng công suất 15.537,5 kVA; có 246.736 km đường dây trung thế và 252.856 km đường dây hạ thế; năm 2011, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 32.891/34.545 hộ; chiếm tỷ lệ 95,2%. Trong đó, hộ đấu nối đuôi không an toàn chiếm 20,45%; đặc biệt các hộ dân sinh sống trên khu vực ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa chưa có điện để sử dụng phục vụ sinh hoạt và nuôi thủy sản.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hiện nay hệ thống điện trung áp, hạ áp liên xã, thị trấn trên địa bàn huyện được đầu tư đồng bộ theo quy hoạch phát triển của ngành điện và thường xuyên được kiểm tra an toàn theo ngành điện. Toàn bộ hệ thống thường xuyên được kiểm tra, rà soát các tuyến đường dây trung áp, trạm biến áp, đường dây hạ thế và được đầu tư, cải tạo lưới điện đảm bảo lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, chất lượng đạt yêu cầu kỹ thuật của hệ thống. Đến nay, toàn huyện có 318.820 km đường dây trung thế, 793.606 km đường dây hạ thế và 716 trạm biến áp, dung lượng 62.825 kVA. Đến nay tổng số hộ sử dụng điện là 40.240/40.354, đạt tỷ lệ 99,72%; số hộ sử dụng điện thường xuyên an toàn có 40.158/40.240 đạt 99,8%. Các công trình điện trung áp, hạ áp và trạm biến áp đầu tư liên xã đảm bảo đạt thông số kỹ thuật, an toàn điện và đạt yêu cầu kỹ thuật trong vận hành với hệ thống điện phân phối liên xã theo quy định của Bộ Công thương; đảm bảo nguồn cung cấp điện đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.

*- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 4 về Điện theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***3.5. Tiêu chí số 5 về y tế - văn hóa - giáo dục***

*3.5.1. Về Y tế*

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Bệnh viện đa khoa khu vực đóng trên địa bàn huyện hoặc Trung tâm Y tế có giường bệnh được công nhận từ hạng 3 trở lên.

Trung tâm y tế huyện đạt chuẩn quốc gia hoặc Trung tâm Y tế không có giường bệnh, có cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị đủ theo quy định của Bộ Y tế cho Trung tâm Y tế dự phòng tuyến huyện.

*- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

Năm 2011, huyện có Bệnh viện đa khoa Châu Thành, quy mô 70 giường bệnh; có Trung tâm Y tế huyện, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự theo quy định, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế còn thấp, chỉ đạt 65%.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Bệnh viên đa khoa huyện được sáp nhập thành Trung tâm Y tế huyện và được công nhận đạt tiêu chuẩn Trung tâm Y tế hạng 3([[19]](#footnote-19)) theo quy định tại Thông tư số [23/2005/TT-BYT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/the-thao-y-te/thong-tu-23-2005-tt-byt-xep-hang-don-vi-su-nghiep-y-te-3541.aspx) ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế, với quy mô 70 giường bệnh.

Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, trang thiết bị và cán bộ theo hướng dẫn thực hiện của Bộ Y tế theo công văn số 1786/SYT-NVY ngày 10/7/2020 của Sở Y tế Trà Vinh về việc thống nhất Trung tâm Y tế huyện Châu Thành đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế, từ đó đáp ứng tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trên địa bàn.

Đến nay tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế toàn huyện là 142.672/144.128 người, đạt tỷ lệ 98,99% *(tăng 33,99% so năm 2011)*. Chương trình chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em tiếp tục được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn thực hiện đạt kết quả trên 99%.

*3.5.2. Về Văn hóa*

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã (thị trấn, phường) có hiệu quả theo quy định.

*- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

Cơ sở vật chất văn hóa của huyện chỉ có 01 Nhà văn hóa - thể thao với diện tích 1000m2 đã xuống cấp, sân vận động huyện với diện tích chung 34.000 m2 thường xuyên bị ngập nước, các sân thể thao xã đều bằng sân cát, do hạ tầng văn hóa chưa được đầu tư đồng bộ nênkhả năng thu hút các hoạt động văn hóa, văn nghệ – thể thao còn nhiều hạn chế.

*- Kết quả thực hiện:*

Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện được đầu tư xây dựng mới, với tổng diện tích là 9550 m2 bao gồm: Trụ sở làm việc diện tích trên 600 m2 được bố trí đầy đủ các phòng chức năng đảm bảo diện tích theo quy định, hội trường đa năng diện tích 600 m2, bố trí 350 chỗ ngồi, có sân khấu phục vụ tập luyện và và biểu diễn văn nghệ; Nhà thi đấu đa năng diện tích 2.000 m2 có đầy đủ các trang thiết bị; Quảng trường với diện tích 2.000 m2, là nơi tổ chức các sự kiện ngoài trời, tập luyện thể dục dưỡng sinh, thể dục thẩm mỹ, vui chơi cho thanh thiếu nhi; 01 Hồ bơi có diện tích chung khoảng 2000 m2 để phục vụ cho trẻ em tập bơi, góp phần phòng, chống đuối nước. Hàng năm, có trên 15.000 lượt trẻ em và người dân đến vui chơi, giải trí và có trên 4.500 lượt người đến tham gia các giải đấu thể thao; Sân vận động với diện tích chung 34.000 m2 là nơi diễn ra các hoạt động vui chơi giải trí của cộng đồng. Mặt khác, huyện có 01 xe chuyên dụng phục vụ tốt công tác tuyên truyền, thông tin lưu động và thực hiện tốt các hoạt động kết nối các xã trong huyện. Hàng năm phối hợp với các xã, thị trấn tổ chức biểu diễn, tuyên truyền lưu động trên 100 buổi, đồng thời tổ chức hơn 20 giải thể thao cấp huyện. Huyện có 13/13 xã đạt chuẩn xã văn hóa - nông thôn mới, đạt 100%; có 99/103 ấp đạt chuẩn ấp văn hóa – nông thôn mới, đạt 96,12%; có 37.512/40.575 hộ gia đình văn hóa - nông thôn mới, đạt 92,45%.

*3.5.3. Trường học*

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Có từ 60% trở lên số trường Trung học phổ thông trên địa bàn huyện đạt chuẩn quốc gia theo quy định.

*- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

Năm 2011, toàn huyện chưa có xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; có 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 1; phổ cập giáo dục THCS mức độ 1; phổ cập giáo dục xóa mù chữ mức độ 1; có 874/1.085 học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở tiếp tục học Trung học phổ thông, học bổ túc và học nghề đạt, tỷ lệ 80,55%.

*- Kết quả thực hiện:*

Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ dạy và học các trường trên địa bàn huyện đáp ứng tốt nhu cầu học tập của học sinh toàn huyện, qua quá trình sắp xếp lại mạng lưới trường, lớp. Hiện nay trên địa bàn huyện có 44 trường học, trong đó Mẫu giáo là 14 trường; Tiểu học 14 trường, Cấp 1-2 có 01 trường, Trung học cơ sở 10, Phổ thông Dân tộc nội trú - Trung học cơ sở 01 trường và 04 trường Trung học phổ thông. Số trường học có cơ sở vật chất đạt chuẩn quốc gia là 36/44 trường, đạt 81,81%, *(tăng 29 trường so năm 2011)* và có 03/04 Trường Trung học phổ thông đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 75%.

*- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***3.6. Tiêu chí số 6 về Sản xuất***

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện hoặc Có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và thực hiện tiêu thụ ít nhất 10% sản lượng đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của huyện theo quy hoạch.

*- Thực trạng trước khi triển khai thực hiện:*

Châu Thành là huyện có thế mạnh về nông nghiệp, cây trồng chủ lực của huyện được xác định là cây lúa, cây dừa, cây ăn trái, tuy nhiên trong sản xuất chưa có mô hình thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, từ đó dẫn đến sản xuất thiếu bền vững.

Toàn huyện có 04 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, các hợp tác xã chỉ hoạt động cầm chừng, số lượng thành viên ít, vốn góp còn hạn chế, chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh, cũng như thực hiện vai trò liên kết bao tiêu sản phẩm cho thành viên, đặc biệt là sản xuất trong mô hình cánh đồng lớn, Hợp tác xã còn hoạt động theo luật HTX năm 2003.

Huyện có tiềm năng phát triển mạnh về chăn nuôi *(gia súc, gia cầm)* và nuôi trồng thủy sản nhưng chưa ứng dụng tốt các tiến bộ khoa học công nghệ, trong chăn nuôi chưa quan tâm đến công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp còn hạn chế, giá cả không ổn định.

Sản xuất nông nghiệp của huyện chủ yếu còn mang tính tự phát, sản xuất nhỏ lẻ, phân tán, chưa hình thành được vùng sản xuất tập trung. Tổ chức sản xuất nông nghiệp của huyện còn tương đối lạc hậu, phần lớn dựa theo tập quán và kinh nghiệm sản xuất, chưa áp dụng nhiều các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác; còn sử dụng giống kém chất lượng để đưa vào sản xuất, nên năng suất và chất lượng thấp, cơ giới hóa trong nông nghiệp chỉ đạt 45%, chi phí sản xuất tăng, giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích bình quân đạt từ 70 - 90 triệu đồng/ha/năm; chưa thực hiện được các khâu liên kết trong sản xuất để tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân và trong thành viên các hợp tác xã,...

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Cây trồng chủ lực của huyện được xác định là cây lúa, cây dừa, cây ăn trái, trong đó cây lúa với tổng diện tích sản xuất trên 16.164 ha. Huyện có mô hình liên kết sản xuất gắn với chế biến tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp chủ lực là lúa chất lượng cao, lúa hữu cơ, như mô hình liên kết sản xuất, bao tiêu lúa hữu cơ xã Long Hòa, Hòa Minh, vùng lúa sản xuất theo hướng hữu cơ xã Hưng Mỹ. Đồng thời, phát triển chuỗi giá trị lúa chất lượng cao theo hướng nông nghiệp sạch quy mô liên xã, hiện tại lúa chất lượng cao được sản xuất tập trung ở các xã: Đa Lộc, Mỹ Chánh, Lương Hòa A, Thanh Mỹ, Song Lộc.

Đến nay trên địa bàn huyện có 17 HTX đang hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 *(Qua đánh giá phân loại có 02 HTX hoạt động tốt, 07 HTX hoạt động khá; 06 HTX hoạt động trung bình; 02 HTX mới thành lập chưa đánh giá)*, với 1.161 thành viên, vốn điều lệ 19.680 triệu đồng *(tăng 13 HTX so với năm 2011)*. Các hợp tác xã trên địa bàn huyện đã liên kết tiêu thụ sản phẩm chủ lực của huyện *(lúa giống và lúa chất lượng cao)* như HTX Phú Mỹ Châu; HTX Phát Tài, HTX 9 Táo, HTX Lương Hòa A, HTX Châu Hưng, HTX Ngọc Phước Vinh... Trong sản xuất lúa, hiện đã thực hiện cơ giới hóa đạt trên 97%.

Đối với sản xuất lúa có 04 mô hình cánh đồng lớn ở các xã như: Đa Lộc, Mỹ Chánh, Lương Hòa A, Thanh Mỹ, Song Lộc với diện tích 1.055 ha, sử dụng các giống lúa chất lượng cao như: Giống OM 5451, OM 4900, ST24,... Năng suất lúa bình quân đạt 7,2 tấn/ha, cao hơn 0,5 tấn/ha so với lúa ngoài cánh đồng lớn; lợi nhuận bình quân cao hơn khoảng 8 đến 10 triệu đồng/ha, nguyên nhân do áp dụng đồng bộ các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, tạo ra sản lượng hàng hóa lớn đồng nhất, đáp ứng được đơn hàng của doanh nghiệp, giá bán được người sản xuất chủ động đàm phán với doanh nghiệp.

Xây dựng mô hình sản xuất lúa an toàn thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch sử dụng phân hữu cơ, phân bón thông minh, liên kết theo chuỗi giá trị gắn tiêu thụ sản phẩm *(quy mô liên xã và do HTX dịch vụ nông nghiệp Châu Hưng thực hiện)* trên địa bàn huyện. Kết quả trong năm 2020-2021 sản xuất được trên 350 ha, năng suất bình quân của mô hình đạt từ 6,3 - 6,5 tấn/ha, giá bán cao hơn từ 250 - 300 đồng/kg so với sản xuất lúa sử dụng hoàn toàn bằng phân hóa học. Ngoài ra, để chủ động trong sản xuất, huyện đã ứng dụng công nghệ thông tin trong canh tác như: Đưa công nghệ tự động quan trắc ứng dụng phần mềm để theo dõi, quản lý độ mặn, có 02trạm quan trắc được lắp đặt tại 02 địa điểm trên địa bàn huyện *(Hưng Mỹ, Long Hòa)*, được thông tin hàng ngày trên sóng Đài phát thanh và truyền hình Trà Vinh. Ngoài ra, Tập đoàn Rynan *(Mỹ Lan)* tài trợ 01 phao quan trắc môi trường nước đặt tại sông Bến Bạ *(xã Hòa Minh)* ứng dụng hệ thống điện toán đám mây 15 phút cập nhật một lần trên ứng dụng Internet, góp phần rất lớn trong việc ứng phó biến đổi khí hậu và từ đó chủ động sản xuất của người dân, trong khâu quản lý nước cũng như vận hành các cống, bọng để ngăn mặn, trữ ngọt kịp thời giúp tăng hiệu quả sản xuất, giảm chi phí, tăng lợi nhuận bình quân trên 01 ha từ 5 – 5,5 triệu đồng.

Tập trung phát triển mô hình trồng chuyên màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây khác với diện tích 5.059 ha *(xã Lương Hòa A, Thanh Mỹ, Song Lộc, Hưng Mỹ, Phước Hảo, Đa Lộc, Mỹ Chánh…)*, trong đó diện tích trồng màu chủ yếu là chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu khoảng 625,29 ha, chủ yếu trồng rau các loại, bắp, dưa leo, khổ qua, ớt, hành, dưa lưới, đậu các loại,...

Trong quá trình canh tác sản xuất nông nghiệp, huyện tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông có hiệu quả, góp phần mang lại thu nhập bình quân đạt 129,94 triệu đồng/ha/năm, cao hơn so với năm 2011 từ 70 - 76 triệu đồng/ha. Cụ thể như mô hình trồng cây màu dưới chân ruộng, mô hình trồng màu trong nhà lưới kết hợp tưới tiết kiệm nước, sản xuất lúa theo phương pháp “1 phải 5 giảm”,…Ngoài ra, còn nhiều mô hình chăn nuôi cũng đem lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình nuôi thủy sản chuyên canh lợi nhuận từ 100 -250 triệu đồng/ha/vụ, cây ăn trái:Thanh long, bưởi da xanh đạt từ 50 -150 triệu/ha/năm; trồng màu đạt từ 80 -100 triệu đồng/ha/năm.

 Huyện tập trung chỉ đạo phát triển diện tích trồng mới và cải tạo lại vườn dừa già cỏi để tăng năng suất, sản lượng, toàn huyện có 3.658ha dừa, thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp, diện tích dừa của huyện đã được cải tạo, trồng mới chăm sóc theo quy trình áp dụng khoa học cho năng suất cao, hiệu quả và giá trị thu nhập bình quân trên đơn vị diện tích đạt 65 triệu đồng/ha, cao hơn từ 20 - 30 triệu đồng/ha so với năm 2011; cây ăn trái cũng chiếm phần quan trọng trong việc tăng thu nhập của nông dân, toàn huyện diện tích trồng cây ăn trái là 1.334 ha, như: Bưởi da xanh, cam sành; cây thanh long ruột đỏ, xoài, mít,...Trong đó cây thanh long ruột đỏ, cam sành và bưởi da xanh là các đối tượng cây ăn trái được người dân mạnh dạn chuyển đổi từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang đầu tư sản xuất mang giá trị cao trên một đơn vị canh tác. Diện tích bưởi da xanh toàn huyện hiện có trên 211 ha, thanh long 77,5 ha; có 01 tổ hợp tác bưởi da xanh đạt tiêu chuẩn Vietgap 27,35 ha, sản lượng 2.735 tấn/năm;01 tổ hợp tác thanh long đạt tiêu chuẩn Vietgap 15,2 ha, sản 229,2 tấn/năm...;17 tổ hợp tác và 01 hợp tác xã sản xuất rau an toàn, diện tích 83,4 ha *(có 8,2 ha đạt tiêu chuẩn Vietgap)*; 01 tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp công nghệ cao *(15 nhà lưới trồng dưa lưới)* và 01 nhà lưới thủy canh lưu hồi; Qua quá trình chuyển đổi tập trung sản xuất theo kế hoạch tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị đã đem lại thu nhập bình quân 01 ha cây ăn trái đạt khoảng 280 triệu đồng/ha.

Chăn nuôi: Năm 2011, các hộ chăn nuôi chủ yếu nuôi nhỏ lẻ theo quy mô gia đình, từ khi xây dựng nông thôn mới thực hiện tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong đó có ngành chăn nuôi, huyện đã có nhiều mô hình chăn nuôi theo hình thức công nghiệp quy mô trang trại *(nuôi gà, heo, bò),* đàn gia súc của huyện được lai tạo với các giống có năng suất và chất lượng cao *(hướng ngoại)* trên 95%, thực hiện quy trình chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học và phòng, chống tốt với các dịch bệnh nguy hiểm trên gia súc, gia cầm. Tổng đàn gia súc năm 2020 là 80.709 con, tăng 10,55% so năm 2011 *(73.030 con)*, đàn gia cầm ước 1.094 ngàn con, tăng 88,55% so năm 2011 *(633,2 ngàn con)*.

*Về nuôi trồng thủy sản:* Được xem là thế mạnh của huyện, tập trung chỉ đạo sản xuất, nâng cao giá trị sản xuất, đặc biệt là tăng giá trị nuôi thủy sản nước lợ ở các xã Long Hòa, Hòa Minh và một phân diện tích xã Hưng Mỹ, Phước Hảo và nuôi thủy sản nước ngọt ở các xã Thanh Mỹ, Lương Hòa, Lương Hòa A, Mỹ Chánh và Song Lộc với các đối tượng nuôi chủ lực như: Tôm sú, tôm thẻ chân trắng, cá tra, cá lóc, nghêu,...; điều chỉnh cơ cấu con nuôi, phát triển các vùng nuôi tập trung, thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng, chuyển giao và ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường. Nhờ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển toàn diện ở 02 vùng sinh thái *(lợ và ngọt)*, đa dạng hóa đối tượng và hình thức nuôi; vận động nông dân chuyển đổi 950 ha nuôi thủy sản khác sang nuôi tôm thẻ chân trắng; chuyển đổi hình thức nuôi tôm từ quảng canh sang nuôi thâm canh, bán thâm canh từ 11,9 ha năm 2011 đến cuối năm 2020 là 996 ha *(05 ha mặt nước nuôi tôm thâm canh mật độ cao)*, tập trung ở các xã Long Hòa và Hòa Minh, năng suất bình quân từ 30 - 45 tấn/ha. Diện tích và sản lượng nuôi thủy sản tăng qua các năm, diện tích nuôi thủy sản năm 2020 đạt 4.186 ha *(nuôi tôm nước lợ 3.955 ha)*, sản lượng đạt 16.291,67 tấn *(sản lượng tôm nước lợ 7.240,88 tấn)* tăng 10,33%/năm.

- Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp từng bước được đổi mới, hiện đại: Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” và các Kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy “về xây dựng và phát triển kinh tế tập thể”. Kinh tế tập thể của huyện đã có có những chuyển biến tích cực cả về số lượng, chất lượng, hoạt động đa dạng về ngành nghề, lĩnh vực. Vốn góp cổ phần của HTX thành lập mới cao hơn so với nhiều năm trước, trách nhiệm và quyền lợi của thành viên trong tham gia quản lý điều hành HTX được đảm bảo. Các HTX nông nghiệp có chiều hướng phát triển đa ngành nghề, kinh doanh tổng hợp nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu thành viên. Đời sống của thành viên HTX và người lao động được tăng lên so với nhiều năm trước. Xu thế hợp tác liên kết giữa các HTX với các cơ quan nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tiếp tục mở rộng,… Kinh tế tập thể từng bước khẳng định được vai trò quan trọng và là nhân tố tích cực góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện.

 Các xã, thị trấn trong huyện đã triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), kết quả năm 2021 huyện có 5 sản phẩm được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận sản phẩn OCOP 3 sao, dự kiến năm 2022 huyện có thêm 3 sản phẩm đạt OCOP từ 3 sao trở lên.

Ủy ban nhân dân huyện kịp thời có kế hoạch rà soát Quy hoạch về hạ tầng phục vụ sản xuất và quy hoạch tái cơ cấu nông nghiệp trên địa bàn huyện, xây dựng lại vùng sản xuất tập trung về cây lúa, cây ăn trái, cây công nghiệp ngắn ngày và nuôi trồng thủy sản đáp ứng thị trường xuất khẩu và tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

 Tập trung thực hiện tái cơ cấu nông nghiệp, chuyển đổi cây trồng vật nuôi, đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng giá trị trên một đơn vị diện tích; chỉ đạo quy hoạch sản xuất, xây dựng các vùng chuyên canh với quy mô lớn, tập trung để liên kết theo chuỗi giá trị trên các sản phẩm chủ lực của huyện trong sản xuất. Đến nay, trên 90% diện tích sản xuất lúa sử dụng giống chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phục vụ xuất khẩu, các khâu trong sản xuất nông nghiệp (sản xuất lúa) được cơ giới hóa trên 95%, đã mang lại hiệu quả tối ưu trong sản xuất góp phần tăng thu nhập, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới.

*- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 6 về Sản xuất theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***3.7. Tiêu chí số 7 về Môi trường***

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

+ Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn.

+ Cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường.

*- Thực trạng khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới:*

Khi chưa thực hiện xây dựng nông thôn mới, tình hình môi trường nông thôn còn nhiều hạn chế, rác thải sinh hoạt chưa được thu gom xử lý tập trung, chất thải chăn nuôi còn nhiều trường hợp thải trực tiếp ra môi trường, gây nên tình trạng ô nhiễm môi trường cục bộ, tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch còn thấp, cảnh quang môi trường chưa được quan tâm cải tạo, an toàn thực phẩm chưa được chú trọng,.. Năm 2011 qua đánh giá chưa có xã đạt tiêu chí về Môi trường.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đạt tiêu chuẩn: Huyện có phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện được phê duyệt tại Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND huyện Châu thành và đã triển khai thực hiện đạt hiệu quả, đảm bảo vệ sinh môi trường trên địa bàn huyện, cụ thể:

- Về trang thiết bị và phương tiện: có xe chuyên dụng thu gom rác về bãi rác tập trung của huyện, các thùng rác được bố trí đầy đủ trên các tuyến đường chính của huyện, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường luôn sạch đẹp. Toàn huyện bố trí 924 thùng chứa rác thải sinh hoạt (trong đó huyện bố trí 525 thùng loại 240 lít, Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ 399 hùng loại 240 lít). Bên cạnh đó, năm 2021 được Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 500 kg/giờ tại xã đảo Long Hòa, góp phần đảm bảo quá trình vận hành lò đốt không gây ô nhiễm môi trường xung quanh, khí thải lò đốt đạt quy chuẩn hiện hành theo quy định trước khi thải ra môi trường.

Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 70,32 tấn/ngày (Trong đó đơn vị thu gom về bãi rác 30,5 tấn, các hộ gia đình tự xử lý 38,41 tấn); trừ một số tuyến đường chính trên địa bàn thị trấn Châu Thành và một số địa phương thực hiện thu gom rác theo giờ cố định nên không bố trí thùng rác, còn lại, trên các trục lộ chính đều được bố trí thùng rác (với 924 thùng hiện hữu).

Ngoài ra, rác thải sinh hoạt phát sinh còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư từ kinh phí sự nghiệp môi trường hàng năm và do Sở Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ đến nay khoảng 660 thùng cho 660 hộ (Tương đương khoảng 2.441 người) và phát huy hiệu quả, xử lý rác được khoảng 1,16 tấn/ngày.

Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom thì thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt theo hướng dẫn của chính quyền địa phương bằng cách đào hố chôn lấp, ủ phân hữu cơ (hình thức hố rác di động) trong khuôn viên đất vườn tại hộ gia đình với khoảng 32.097 hộ (Tương đương khoảng 118.865 người), xử lý khối lượng ước khoảng 37,25 tấn/ngày; số hộ còn lại thực hiện phân loại, tái chế, tái sử dụng, chôn lấp hợp vệ sinh... nâng tổng lượng rác thải sinh hoạt của huyện được thu gom, xử lý khoảng xx tấn/ngày, đạt tỷ lệ 98%.

Tình hình tại bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt của huyện: Thực hiện đóng cửa bãi rác thị trấn Châu Thành; đã tiến hành cải tạo, nâng cấp bãi rác xã Hòa Lợi, bãi rác xã Lương Hòa A đảm bảo đạt chuẩn và vận hành đúng thiết kế. Thường xuyên phun xịt chế phẩm sinh học, hoạt chất diệt côn trùng tại các bãi rác. Ngoài ra, trên địa bàn huyện còn có dự án “Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt tỉnh Trà Vinh, công suất giai đoạn 1 là 150 tấn/ngày đêm” đặt tạ xã Lương Hòa, dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt báo cáo ĐTM tại Quyết định số 553/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án (Hạng mục hệ thống xử lý nước thải công suất 50 m2/ngày đêm và hệ thống xử lý khí thải lò đốt SH7-2000 công suất 02 tấn/giờ) tại giấy xác nhận số 03/GXN-STNMT ngày 02/4/2021.

Đối với nước thải tại các khu dân cư tập trung ở các xã đều có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có tình trạng ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, hàng tuần các địa phương tổ chức khơi thông cống rãnh, tạo dòng chảy thông thoáng đảm bảo nhu cầu thoát nước. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh nước thải sản xuất đều có biện pháp thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Tình hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn huyện:

*- Đối với chất thải rắn xây dựng:* Các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn tương đối ít chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, cá nhân; hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu, chưa có đơn vị chuyên thu gom xử lý chất thải rắn xây dựng.

*- Đối với chất thải rắn nông nghiệp:* Chất thải rắn nông nghiệp chủ yếu là phụ phẩm nông nghiệp có tính tái sử dụng cao thường được tận dụng cho mục đích chăn nuôi và trồng trọt. Riêng đối với bao gói thuốc bảo vệ thực vật do có chứa thành phần nguy hại và tồn lưu lâu ngoài môi trường nên có tuyên truyền đến nông dân và tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. Toàn huyện đã bố trí 558 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật đúng theo quy định tại Thông tư Liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Hàng năm ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom rác thải nguy hại định kỳ 06 tháng/lần để thu gom chất thải nguy hại phát sinh (Trong năm 2020 thu gom, xử lý 3132 kg). Đồng thời, tiếp tục tuyên truyền và nhân rộng mô hình bể thu gom để hạn chế tình trạng nông dân thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ngoài đồng. Dự kiến tháng 11/2021 bố trí thêm 50 bể chứa, tiếp tục thu gom ước khoảng 4000 kg và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý đạt tỷ lệ 100%.

*- Đối với chất thải y tế trên địa bàn:* Theo số liệu thống kê năm 2020, trên địa bàn huyện có tổng cộng 03 bệnh viện cấp tỉnh(Bệnh viện Sản Nhi, Bệnh viện Lao phổi, Bệnh viện Y dược cổ truyền), 01 Trung tâm Y tế, 01 phòng khám khu vực ở Hòa Minh và 13 Trạm y tế:

+ Lượng chất thải y tế thông thường phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh tại Trung tâm y tế huyện khoảng 15,0 kg/ngày, chủ yếu là vỏ, bao bì, chai lọ đựng thuốc, vật tư y tế thải sau khi sử dụng không nhiễm thành phần nguy hại. Tính chất loại chất thải này không độc hại và một số có thể tái sử dụng, còn lại có thể xử lý như chất thải rắn sinh hoạt. Rác thải y tế phát sinh tại Trung tâm y tế huyện, các Trạm y tế và cơ sở y tế tư nhân trên địa bàn huyện được thực hiện quản lý theo mô hình cụm xử lý tại Quyết định số 2263/QĐ-UBND ngày 01/12/2017 và Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 27/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, tỷ lệ xử lý đạt 100%.

***3.7.2. cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ (Công nghiệp, làng nghề, chăn nuôi, chế biến lương thực - thực phẩm) thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường:***

Về cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Huyện đã xác nhận các hồ sơ môi trường của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, hộ chăn nuôi. Đến nay trên địa bàn huyện có 1.310/1.310 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng có đăng ký thủ tục môi trường và thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, đạt tỷ lệ 100% (Trong đó thị trấn Châu Thành có 117 cơ sở, 13 xã có 1193 cơ sở). Ngoài ra, các điểm bán nhỏ, lẻ và hàng rong trên địa bàn các xã, thị trấn thực hiện cam kết bảo vệ môi trường theo quy định.

Toàn huyện có 13.415/14.857 hộ chăn nuôi có chuồng trại đảm bảo vệ sinh, đạt 90,25% tổng số hộ chăn nuôi. Có 4 cơ sở giết mổ tập trung, 14 cơ sở chăn nuôi heo và gia cầm, các cơ sở đều có thủ tục bảo vệ môi trường được cơ quan chức năng phê duyệt, xác nhận và thường xuyên kiểm tra giám sát, yêu cầu thực hiện đúng và đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động chăn nuôi.

Về bảo vệ môi trường làng nghề: Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt 03/03 Phương án bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn huyện (Làng nghề tiểu thủ công nghiệp xã Lương Hòa, làng nghề đan đát - thủ công mỹ nghệ xã Hưng Mỹ và làng nghề sản xuất rượu Xuân Thạnh, xã Hòa Thuận). Các xã đều có quy ước/hương ước bảo vệ môi trường.

Về bảo vệ môi trường của các khu, cụm công nghiệp: Trên địa bàn huyện có Khu dược phẩm công nghệ cao TV.Phamr thuộc Cụm Công nghiệp Tân Ngại, xã Lương Hòa A đang khởi công xây dựng, về thủ tục đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 425/QĐ-UBND ngày 02/3/2021.

Các cơ sở sản xuất, chế biến, dịch vụ có tác động đến môi trường đều có các biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải (nước thải, khí thải, chất thải rắn) đúng quy định; thực hiện đầy đủ và đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, đạt tỷ lệ 100%.

Các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu là nuôi nhỏ lẻ, quy mô hộ gia đình đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi trồng thủy sản của huyện nước thải nuôi trồng thủy sản được xử lý qua ao lắng và dùng chất khử trùng diệt khuẩn trước khi thải ra môi trường.

*- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 7 về Môi trường theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***3.8. Tiêu chí số 8 về an ninh, trật tự xã hội***

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Hằng năm, Huyện ủy có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân huyện có kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Không để xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người kéo dài; khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật.

Không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, giảm liên tục so với các năm liền kề trước.

Lực lượng vũ trang huyện *(Công an, Bộ đội địa phương; Dân quân tự vệ)* hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương; các cơ quan bảo vệ pháp luật và hệ thống chính trị phối hợp giải quyết tranh chấp đất đai, làm tốt công tác tiếp dân ở địa phương.

*- Thực trạng trước khi thực hiện tiêu chí:*

Năm 2011 công tác vận động quần chúng tham gia phong trào Toàn dân bảo vệ ANTQ luôn được quan tâm và đạt được kết quả đáng kể. Tuy nhiên, tình hình trật tự an toàn xã hội và các loại tội phạm từng lúc còn diễn biến phức tạp, như: Cờ bạc, trộm cắp, cướp giật,.. Bên cạnh đó, ý thức tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng còn hạn chế. Tình hình an ninh chính trị cơ bản được giữ vững, tuy nhiên tình hình an ninh trong dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt là các vụ khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội có thời điểm diễn biến phức tạp.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Hằng năm, Huyện ủy có Nghị quyết và UBND huyện xây dựng Kế hoạch về công tác an ninh, trật tự; chỉ đạo thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức thành viên tích cực phối hợp tham gia đảm bảo an ninh trật tự.

Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại tố cáo; trong đó giao nhiệm vụ cụ thể trong việc xử lý đơn thư, khiếu nại tố cáo cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo đúng thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được giao. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị phản ánh của người dân.

Trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo tốt; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác tuy hàng năm có lúc tăng, giảm. Tỷ lệ khám phá án đạt trên 80%, đặc biệt án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%, trên địa bàn huyện không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội.

Phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ ngày càng được củng cố và phát triển tốt, quần chúng nhân dân tham gia các mô hình tự quản về ANTT ở địa phương ngày càng nhiều hơn và có ý thức tốt hơn trong việc phát triển, tố giác và đấu tranh với các loại tội phạm. Hiện trên địa bàn huyện có 15 mô hình với 190 câu lạc bộ, 1.573 tổ tự quản. Qua đánh giá, đa số các mô hình phòng, chống tội phạm có phát huy được hiệu quả, tiêu biểu như: 20 Câu lạc bộ, mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại cơ sở tôn giáo”; 10 Câu lạc bộ, Mô hình “Tuyên truyền, giáo dục, cảm hóa đối tượng tại gia đình và cộng đồng dân cư”; 47 Câu lạc bộ, Mô hình “Phát hiện, Tố giác và vây bắt tội phạm”; 6 Câu lạc bộ, Mô hình “Bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ”; 8 Câu lạc bộ, Mô hình “3 Giảm 3 giữ”; 14 Câu lạc bộ nông dân “3 tốt”.

Lực lượng vũ trang huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự tại địa phương; các cơ quan bảo vệ pháp luật và hệ thống chính trị phối hợp giải quyết tốt các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện và công tác tiếp dân.

Hàng năm Huyện ủy, UBND huyện ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác quốc phòng, quân sự địa phương. Tuyên truyền, vận động và triển khai có hiệu quả công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, tuyển sinh quân sự đảm bảo chất lượng. Phối hợp thực hiện tốt công tác tuyên truyền giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, lực lượng vũ trang và nhân dân, đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng trên địa bàn, nắm chắc tình hình an ninh chính trị, tham mưu xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống không để bị động, bất ngờ góp phần giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Hiện nay huyện không có xã thuộc diện trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự theo quy định của Bộ Công an, có 13/13 xã được bố trí công an chính quy với số lượng 05 biên chế/xã.

*- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 8 về An ninh, trật tự xã hội theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***3.9. Tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới***

*- Yêu cầu của tiêu chí:*

Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện được kiện toàn tổ chức và hoạt động đúng quy định.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện được tổ chức và hoạt động đúng quy định.

*- Thực trạng trước khi thực hiện tiêu chí:*

Chưa thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới và Văn phòng Điều phối nông thôn mới của huyện.

*- Kết quả thực hiện tiêu chí:*

Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu Quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện được thành lập và thường xuyên được củng cố, kiện toàn khi thay đổi thành viên; có phân công từng thành viên Ban Chỉ đạo phụ trách địa bàn các xã để chỉ đạo và hỗ trợ thực hiện đạt kế hoạch đề ra. Trong thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, huyện không có tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản và không huy động quá khả năng đóng góp tự nguyện của người dân trong quá trình thực hiện; chỉ đạo thực hiện tốt công tác xây dựng đạt tiêu chí và nâng chất tiêu chí nông thôn mới ở các cấp.

Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện được thành lập và luôn được củng cố, kiện toàn nhằm tham mưu tốt cho Ban Chỉ đạo huyện trong việc triển khai thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện hàng năm; có xây dựng quy chế và Quyết định ban hành quy chế hoạt động; phân công trách nhiệm cụ thể đối với các thành viên, đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định tại Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

*- Tự đánh giá: Đạt tiêu chí số 9 về Chỉ đạo xây dựng nông mới theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.*

***Tóm lại: Đến nay huyện Châu Thành có 13/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới và huyện thực hiện đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới đúng theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ.***

**V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Những mặt làm được**

Qua 11 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Châu Thành đã không ngừng phấn đấu khắc phục khó khăn, chủ động, sáng tạo, điều hành linh hoạt, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2010-2015 đạt 14,48%/năm; giai đoạn 2016-2020 đạt 9,93%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ.

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội luôn được quan tâm đầu tư xây dựng, diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Một số dự án đã và đang được triển khai thực hiện như: Nâng cấp Quốc lộ 53, 54, 60, các Tỉnh lộ, Hương lộ trên địa bàn huyện. …và nhiều công trình quan trọng khác trên địa bàn huyện. Thương mại, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Các lĩnh vực dịch vụ: Vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng,… tiếp tục phát triển phục vụ tốt nhu cầu xã hội.

Công tác quy hoạch được quan tâm thực hiện như: Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch vùng huyện Châu Thành,…

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Chất lượng hệ thống chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên. Hoạt động của Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước đổi mới. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệu vụ chính trị của địa phương.

**2. Tồn tại,** hạn chế và nguyên nhân

 Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của địa phương; triển khai thực hiện kế hoạch tái cơ cấu kinh tế chưa đi vào chiều sâu, nhất là chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi sản xuất theo hướng liên kết; nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ tuy phát triển nhưng quy mô sản xuất nhỏ, sức cạnh tranh thấp; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động chưa cao.

Chất lượng ấp, khóm, xã, thị trấn văn hóa có nơi chưa toàn diện; công tác giảm nghèo thiếu bền vững; đào tạo nghề chưa gắn với thị trường lao động nên việc giải quyết việc làm cho lao động địa phương chưa thực hiện tốt; số lượng người đi xuất khẩu lao động còn thấp; đời sống của một bộ phận Nhân dân tuy có nâng lên đáng kể nhưng chất lượng cuộc sống chưa được nâng cao; kiểm tra giám sát, quản lý đôi lúc thiếu chặt chẽ.

Tệ nạn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn ra. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và cải cách hành chính cần tiếp tục thực hiện quyết liệt; quản lý Nhà nước ở một số lĩnh vực chưa sát với yêu cầu thực tế, hoạt động của Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong tuyên truyền, vận động thay đổi ý thức Nhân dân chưa toàn diện, chưa có nhiều phong trào hay thu hút sự tham gia của quần chúng, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của một số tổ chức cơ sở Đảng và một số đảng viên chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm.

**Nguyên nhân hạn chế:**

Xuất phát điểm kinh tế xã hội của huyện thấp, nguồn lực đầu tư có hạn; trình độ và năng lực quản lý từng cấp chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển.

Nhận thức của một bộ phận Nhân dân đối với công tác xây dựng nông thôn mới, nhất là vệ sinh môi trường từng lúc, từng nơi còn hạn chế.

Công tác quy hoạch chưa kịp thời, quản lý quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch đôi lúc chưa chặt chẽ; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức một số nơi năng lực quản lý điều hành chưa cao.

**3. Bài học kinh nghiệm**

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền là nhân tố hàng đầu, sự đồng thuận của Nhân dân là nhân tố thứ hai quyết định thắng lợi trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, mà chủ thể là Nhân dân. Vì vậy để phát huy tích cực vai trò của chủ thể thì một trong những giải pháp quan trọng là: Các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể phải làm tốt công tác tuyên truyền vận động, thực hiện công khai, dân chủ tất cả các công việc có liên quan đến Chương trình xây dựng nông thôn mới, để Nhân dân được tham gia bàn bạc, quyết định và tổ chức thực hiện.

Tăng cường xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ ấp, đảm bảo đủ trình độ, năng lực để tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới ở các địa phương và từng địa bàn dân cư.

Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh chỉ đạo, vận động các ấp và từng hộ gia đình trong việc: Chỉnh trang tường rào, cổng ngõ, nhà ở, xây dựng các công trình, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, cải tạo vườn tạp, đầu tư nâng cao hiệu quả sản xuất; đặc biệt làm tốt vệ sinh đường làng ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp, thu gom phân loại, xử lý rác thải.

Phát triển nông nghiệp bền vững góp phần nâng cao thu nhập cho người dân làm tiền đề huy động nguồn lực trong Nhân dân: Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị gắn với tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất; khuyến khích, hỗ trợ phát triển liên doanh, liên kết trong sản xuất. Quan tâm hình thành, tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã nông nghiệp phát triển, nhất là các hợp tác xã có mô hình liên doanh, liên kết hiệu quả.

Thường xuyên kiểm điểm, đánh giá nội dung tiến độ xây dựng nông thôn mới tại các cuộc họp giao ban tuần, tháng, quý của Ban chỉ đạo để đánh giá kết quả thực hiện, chỉ ra những tồn tại hạn chế từ đó đưa ra phương hướng chỉ đạo kịp thời. Gắn trách nhiệm kết quả xây dựng nông thôn mới tới từng cơ quan, đơn vị, thành viên Ban chỉ đạo nông thôn mới. Kịp thời động viên, khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng nông thôn mới.

**VI. KẾ HOẠCH NÂNG CHẤT CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**1. Quan điểm**

Xây dựng nông thôn mới được xác định là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay. Quan điểm xây dựng nông thôn mới là hướng đến thực hiện việc thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, cải thiện điều kiện sinh hoạt ở nông thôn.

**2. Mục tiêu**

***2.1. Mục tiêu chung:***

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước theo hướng hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng nâng cao.

***2.2. Mục tiêu cụ thể:***

Phấn đấu từ năm 2021 – 2025 đạt các chỉ tiêu: Nâng chất 13/13 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; phấn đấu có 05 xã đạt chuẩn xã Nông thôn mới nâng cao, trong đó có 02 xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; huyện Châu Thành trở thành huyện nông thôn mới nâng cao, gắn quá trình xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa theo Quyết định số 676/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Tỷ lệ nhà ở đạt theo tiêu chuẩn quy định từ 90% trở lên;Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 99% trở lên; Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt trên 99,8%; Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt 95% trở lên; Tỷ lệ thu gom rác thải tập trung đạt 100%; Tạo cảnh quan môi trường sáng- xanh - sạch - đẹp; Trên 95% trường học các cấp đạt chuẩn về cơ sở vật chất; Chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo và hộ cận nghèo theo Đề án của huyện đề ra, đảm bảo lao động có việc làm ổn định, tăng thu nhập và thoát nghèo bền vững, tỷ lệ hộ nghèo của huyện dưới 2%; Thu nhập bình quân đầu người đạt 80 - 90 triệu đồng/người/năm.

**3. Nội dung nâng chất các tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới**

***3.1. Nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới***

Quy hoạch: Ủy ban nhân dân các xã cần tiếp tục nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tế địa phương; làm tốt hơn nửa công tác tuyên truyền để nhân dân được biết, thực hiện chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, xây dựng đúng theo quy hoạch, tăng cường quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

Giao thông:Hàng năm tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ Trung ương, Tỉnh, huyện và huy động sự đóng góp trong Nhân dân, các mạnh thường quân để tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải tạo, duy tu thường xuyên các tuyến đường; xây dựng mới, mở rộng các tuyến đường huyện, xã, đường trục ấp, ngõ xóm, đường trục chính nội đồng để phục vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương, phấn đấu 85% đường trục ấp, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt chuẩn; bổ sung quy hoạch mạng lưới giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa. Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, chấp hành nghiêm Luật Giao thông, lắp biển báo đúng quy định, không vi phạm hành lang an toàn giao thông; duy trì và nhân rộng các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; các tuyến đường hoa trên địa bàn các xã.

Thủy lợi:Tiếp tục rà soát đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để đảm bảo cho công tác phòng chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; hàng năm tranh thủ nguồn vốn đầu tư nạo vét các tuyến kênh mương phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và nuôi thủy sản.

Trường học:Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, đồng thời xây dựng kế hoạch cụ thể để đầu tư xây dựng các trường còn lại đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất. Tiếp tục trang bị thêm các thiết bị đối với các trường đạt chuẩn còn thiếu để nâng cao chất lượng dạy và học, tăng cường công tác xây dựng cảnh quan môi trường trong Trường học đạt “xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

Nhà ở: Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 22, Quyết định 33 của Thủ tướng Chính phủ, các chính sách an sinh xã hội và các nguồn hỗ trợ của mạnh thường quân để tiếp tục đầu tư hỗ trợ nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở, đảm bảo cho người dân có nhà ở ổn định, đạt theo quy định của Bộ Xây dựng.

 Văn hóa: Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các ấp cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao, các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các địa phương trong huyện. Hàng năm, bố trí một nguồn kinh phí hợp lý để đầu tư các trang thiết bị cho các nhà văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Y tế: Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 99%. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng chuẩn Quốc gia về y tế xã, trong đó chú ý đầu tư thêm trang thiết bị cho trạm y tế xã, duy trì 100% trạm y tế các xã có bác sĩ, có nữ hộ sinh đảm bảo đủ điều kiện khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Môi trường: Tiếp tục thực hiện tốt Đề án thu gom xử lý rác thải trên địa bàn huyện, dự đoán trong thời gian tới lượng rác thải sẽ gia tăng. Tiếp tục đầu tư mở rộng xây dựng khu xử lý rác thải và thêm 01 lò đốt rác để xử lý lượng rác thải trên địa bàn huyện đảm bảo vê sinh môi trường, về lâu dài việc thu gom và vận chuyển rác thải sinh hoạt của huyện sẽ chuyển về khu xử lý rác thải tập trung của tỉnh.

Tổ chức đoàn thể huyện, xã thực hiện có hiệu quả các kế hoạch vệ sinh môi trường, không có hoạt động gây suy giảm môi trường, thường xuyên triển khai làm tốt phong trào của Đoàn Thanh niên, phong trào “*5 không 3 sạch*” của Hội Phụ nữ, phong trào*“Ngày chủ nhật xanh”* vệ sinh đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, vệ sinh nơi công cộng góp phần tạo môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp.

Kinh tế và tổ chức sản xuất: Thực hiện Kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp và kế hoạch phát triển ngành chăn nuôi giai đoạn 2021 -2025.

Tiếp tục triển khai tốt Nghị định số 62/2019/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ- CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, tiếp tục thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm và cây lâu năm cho cả giai đoạn từ năm 2021 -2025.

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 6355/KH-BNN-KTHT ngày 17/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản đến năm 2020. Các chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã trên địa huyện theo quyết định số 04/2017/QĐ - UBND của UBND tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2017 - 2020, qua đó củng cố xây dựng liên kết vững chắc giữa hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, doanh nghiệp và định hướng xây dựng được vùng nguyên liệu để hình thành mỗi hợp tác xã có một sản phẩm mang nhãn hiệu có tính cạnh tranh, qua đó nâng cao thu nhập cho thành viên hợp tác xã cũng là nâng cao thu nhập cho người dân.

Đối với sản phẩm chủ lực, tiếp tục triển khai Đề án “phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2018 - 2020 và định hướng đến năm 2030” theo quyết định số 1905/QĐ-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh. Trong đó tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của từng địa phương (lúa, dừa, thanh long…), đồng thời xây dựng được vùng sản xuất hàng hóa có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc để hướng đến xây dựng quy trình sản xuất đạt quy chuẩn quy định, xây dựng được nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp nhất là các sản phẩm chủ lực của huyện và các loại nông sản khác khi đủ điều kiện.

Tiếp tục thực hiện đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp của huyện theo hướng nâng cao giá trị, tập trung triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ cao, trồng rau trong nhà lưới, phát triển và nhân rộng mô hình trồng lúa theo hướng hữu cơ, vi sinh an toàn để nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích. Tiếp tục nâng cấp, cải tạo vườn dừa gắn với thực hiện Kế hoạch hành động nâng cấp chuỗi giá trị dừa tỉnh Trà Vinh, giai đoạn 2018 - 2020 theo Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh.

Tiếp tục phát triển sản xuất theo hướng trang trại đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện để mang lại giá trị kinh tế cao, tập trung phát triển đàn heo theo hướng trang trại, chăn nuôi vịt, nuôi gà đẻ trứng,... (Trong đó chú trọng phát triển đàn bò) thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh theo Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND tỉnh để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

Thực hiện quản lý tốt việc phát triển nuôi chim yến theo đúng khu vực được phép nuôi và không được phép nuôi theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh.

Tiếp tục duy trì và nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn, mô hình sản xuất lúa hữu cơ thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm; triển khai thực hiện Dự án khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản với các mặt hàng chủ lực.

Hệ thống chính trị, an ninh trật tự: Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã gắn với Kế hoạch sắp xếp lại bộ máy tổ chức và tinh giản biên chế theo chủ trương của Đảng.

Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để khiếu kiện đông người, vượt cấp.

Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp công tác nghiệp vụ, chủ động nắm chắc tình hình, đề ra các chủ trương, giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

***3.2. Xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu***

 Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động xây dựng NTM gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” trên địa bàn huyện; đẩy mạnh phong trào thi đua “Châu Thành chung sức xây dựng nông thôn mới”, xem đây là nhiệm vụ chính trị của địa phương và các cơ quan, đơn vị, nhằm không ngừng nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và mọi tầng lớp dân cư, làm nền tảng để xây dựng thành công xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu. Tổ chức phổ biến, quán triệt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu để cán bộ, Đảng viên và Nhân dân hiểu và chủ động tự giác tham gia, thực hiện có hiệu quả nhằm góp phần giảm nghèo, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống.

Các cấp ủy, chính quyền tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc. Thực hiện Chương trình kiên trì, quyết liệt, làm đến đâu chắc đến đó, không chủ quan, nóng vội.

Các cơ quan, đơn vị, các địa phương phải vào cuộc một cách quyết liệt, đồng bộ, trên cơ sở các tiêu chí được phân công phụ trách, các ngành có kế hoạch, biện pháp cụ thể để chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện đạt các tiêu chí theo lộ trình, kế hoạch đề ra; gắn trách nhiệm hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu được phân công với nhiệm vụ của ngành và công tác thi đua hàng năm.

Tranh thủ và huy động nhiều nguồn lực để xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; thực hiện tốt việc lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án, sự đóng góp của các doanh nghiệp đóng trên địa bàn để tạo ra nguồn lực tổng hợp, đặc biệt tích cực huy động nguồn lực trong Nhân dân theo phương châm “Dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội cùng chung tay xây dựng nông thôn mới.

Tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, huy động tối đa các nguồn lực để tạo khâu đột phá trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó chú trọng việc đầu tư hỗ trợ phát triển sản xuất để nâng cao thu nhập và mức sống của người dân.

 Tập trung đột phá về xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, đồng bộ cho nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là giao thông, thủy lợi, cơ sở vật chất văn hóa; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, giải quyết việc làm, đẩy mạnh phát triển sản xuất, giảm nghèo nhanh, bền vững. Phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân; lấy phục vụ lợi ích cho cư dân nông thôn làm động lực trong xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Bên cạnh việc chỉ đạo, thực hiện tốt những giải pháp đã đề ra, huyện cũng mong muốn tỉnh kịp thời có những cơ chế, chính sách hỗ trợ để huyện có thể hoàn thành các mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn 2021-2025.

***3.3. Nâng cao chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới***

Quy hoạch: Phát huy hiệu quả và quản lý tốt quy hoạch vùng huyện, đảm bảo quy hoạch được thực hiện đúng theo định hướng, góp phần cho kinh tế - xã hội của huyện phát triển đồng bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo xu thế phát triển chung của tỉnh trong thời gian tới.

Giao thông:Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng các Hương lộ và các cầu trên các tuyến giao thông, đảm bảo đồng bộ với cấp đường; nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến giao thông nông thôn gắn với quá trình phát triển đô thị. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các công trình giao thông để giữ vững tiêu chí huyện nông thôn mới, phấn đấu huyện đạt tiêu chí đô thị loại V,…

Thủy lợi:Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hợp lý để nạo vét hàng năm,củng cố, nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng, nhằm nâng cao năng lực phục vụ sản xuất và phòng chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới.

Y tế: Tiếp tục nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện Châu Thành đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám và chữa bệnh cho Nhân dân, đảm bảo giữ vững tiêu chuẩn quốc gia về y tế; củng cố hoạt động các trạm Y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân.

Văn hóa: Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng các loại hình hoạt động văn hóa, các thiết chế văn hóa khác nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và giao lưu văn hóa của Nhân dân.

Trường học: Tiếp tục nâng chất và giữ vững các tiêu chí Trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

Môi trường: Đẩy mạnh rà soát, thu gom và vận chuyển kịp thời lượng rác thải tại các xã, thị trấn về các bãi rác để xử lý. Tăng cường vệ sinh môi trường tại khu vực trung tâm, khu dân cư, các chợ; xử lý môi trường chăn nuôi ở nông thôn; tiếp tục đầu tư mở rộng lò đốt rác các loại kể cả xử lý rác y tế và rác nông nghiệp; về lâu dài huyện chuyển rác về bãi rác tập trung của tỉnh để xử lý chung.

**4. Một số giải pháp nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới**

***4.1. Nhóm giải pháp về công tác tuyên truyền***

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các nội dung của Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân, để mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nhằm nâng cao được đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân, góp phần đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

***4.2.Nhóm giải pháp về Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội***

Duy tu, nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn, vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ cùng với ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên địa bàn đảm bảo thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thủy lợi, thủy nông nội đồng, quản lý và khai tác tốt các công trình thủy lợi, các cống đầu mối đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh.

***4.3.Nhóm giải pháp về Tổ chức lại sản xuất***

Tập trung rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu, nhãn hiệu trên thị trường.

Bổ sung các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển nông thôn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường; bảo đảm tính liên kết vùng, thống nhất với quy hoạch xây dựng vùng, các quy hoạch chuyên ngành khác, bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng; trong đó, chú ý phát triển mở rộng các mô hình kinh tế tiên tiến hiệu quả, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, phát triển sản xuất bền vững.

Tập trung chỉ đạo chuyển dịch hợp lý cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trong công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp.

Tiếp tục đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất, nhất là các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể; khuyến khích phát triển mạnh các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp có quy mô và công nghệ tiên tiến hiện đại. Đặc biệt quan tâm việc ứng dụng nhiều tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ tại các hợp tác xã trên lĩnh vực cây ăn trái; canh tác lúa và rau sạch,… Đồng thời đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa. Ngoài ra, thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo sản phẩm chủ lực của huyện như: Chuyển diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng dừa, bưởi, thanh long, nuôi trồng thủy sản,...Để tạo sản phẩm có giá trị kinh tế, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân.

Hỗ trợ kinh tế hộ phát triển, liên kết nông dân với nông dân và liên kết nông dân - doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng, có quy mô lớn, từng bước xây dựng thương hiệu hàng hóa nông sản của huyện.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về Quy hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy trình, gắn với công nghệ chế biến; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; xây dựng và phát huy hiệu quả hoạt động của hợp tác xã, tổ hợp tác. Từng bước xây dựng mô hình sản xuất hàng hóa sạch phục vụ nhu cầu của thị trường, tăng hiệu quả sản xuất trên một đơn vị diện tích.

Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ cung ứng giống, vật tư, chuyển giao kỹ thuật, thu mua và chế biến nông sản, phát triển thương mại dịch vụ nông thôn và đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác khuyến nông trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của Nhà nước và doanh nghiệp. Tăng cường xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị gia tăng và tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP, nhằm phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh trên thị trường để góp phần phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Ngoài việc rà soát chính sách, tìm hiểu chính sách mới, huyện sẽ tập trung hỗ trợ xúc tiến thương mại, tổ chức sản xuất theo quy trình an toàn, sản xuất theo chuỗi sản phẩm sạch và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ,... phát triển theo tiềm năng, thế mạnh chủ lực của từng địa phương tạo các sản phẩm cạnh tranh hiệu quả. Huyện sẽ hỗ trợ và tạo môi trường thuận lợi để phát triển Hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, thúc đẩy đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Đồng thời tạo điều kiện cho các Hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ sản xuất tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh. Tổ chức các lớp đào tạo; hỗ trợ xây dựng các điểm, trung tâm bán hàng kết nối nông sản với thị trường.

Phát huy vai trò hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo chuỗi, huyện tiếp tục hỗ trợ phát triển các hợp tác xã nông nghiệp trong thời gian tới ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản; hỗ trợ xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả; hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp có năng lực tiêu thụ nông sản; tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; đề xuất hỗ trợ đặc thù cho hoạt động xúc tiến thương mại.

Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, triển khai thực hiện tốt Đề án chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện. Đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và Kế hoạch tái cơ cấu kinh tế của huyện.

Nêu cao trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể ở các địa phương về giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng cường tuyên truyền để thu hút lao động nông thôn chuyển đổi ngành nghề đến làm việc tại các khu, cụm công nghiệp.

***4.4. Nhóm giải pháp về Văn hoá, Xã hội và Môi trường***

Tiếp tục giữ vững thành quả phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục Tiểu học, phổ cập giáo dục xóa mù chữ, phổ cập giáo dục Trung học cơ sở và phổ cập giáo dục Trung học phổ thông.

Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, nhất là ở các Trạm Y tế xã. Giữ vững Trung tâm Y tế huyện đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị và giữ vững các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 05 tuổi, thực hiện tốt công tác phòng dịch, vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

Tiếp tục thực hiện phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* gắn với xây dựng nông thôn mới, duy trì các xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới; xây dựng thị trấn Châu Thành đạt chuẩn văn minh đô thị loại V. Tập trung nguồn lực để đầu tư, nâng chất Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao huyện, Nhà văn hóa, khu thể thao xã, ấp, đảm bảo có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã. Ngoài ra, huyện có thế mạnh phát triển **Du lịch sinh thái** dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa gắn với giáo dục môi trường.

      Tích cực nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch bằng cách đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch về nghiệp vụ và nâng cao năng lực quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Tiếp tục vận động Nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về xây dựng huyện Châu Thành “sáng - xanh - sạch - đẹp”. Trang bị đầy đủ phương tiện thu gom, xử lý rác thải, chất thải phù hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp về phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, hướng dẫn người dân cách xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ bằng phương pháp ủ sinh học, sau đó sử dụng làm phân bón cho cây trồng.

      Tăng cường thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải và thúc đẩy phân loại tại nguồn; cần khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân áp dụng các biện pháp sản xuất sạch hơn.

 ***4.5. Nhóm giải pháp về Hệ thống chính trị***

Tập trung xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chính quyền trong công tác xây dựng nông thôn mới, phát huy tốt vai trò của Mặt trận, đoàn thể trong công tác vận động tuyên truyền Nhân dân tham gia thực hiện công tác nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu cuối năm 2025 có 05 xã đạt xã nông thôn mới nâng cao và 02 xã nông thôn mới kiểu mẫu.

Củng cố và nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn; tiếp tục kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ đạo các cấp; củng cố kiện toàn Văn phòng Điều phối cấp huyện; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách nông thôn mới cho cấp xã theo quy định của Trung ương và của Tỉnh.

 Giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn nông thôn: Củng cố và nâng cao chất lượng Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Đảm bảo địa bàn các xã giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, không để xảy ra tụ tập, khiếu kiện đông người; giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông; xây dựng lực lượng Công an, quân sự chính quy, từng bước hiện đại, tinh nhuệ, xây dựng 95% xã vững mạnh về quốc phòng, xã an toàn về an ninh trật tự.

Tăng cường công tác kiểm tra việc duy trì các chế độ trực, lực lượng trực ở các đơn vị cơ sở. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác xây dựng lực lượng quân báo trinh sát với việc tổ chức lực lượng dân quân nhằm nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc xử lý các tình huống phức tạp nảy sinh, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

Xây dựng huyện Châu Thành đạt chuẩn huyện nông thôn mới gắn với quá trình phát triển đô thị phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của huyện, đảm bảo trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển của Tỉnh Trà Vinh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nông thôn mới, phát triển đô thị với bảo đảm quốc phòng, an ninh; đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2021 và phương hướng, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới sau năm 2021 của huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:** - TT.BCĐ CTMTQG XDNTM TW; - Văn phòng Điều phối TW;- Ban Chỉ đạo Tỉnh;- Văn phòng Điều phối Tỉnh;- TT. HU, HĐND, UBND Huyện;- Thành viên BCĐ huyện; - Lưu: VT (NTM).   | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Thạch Thị Sa Thy** |

1. () Mô hình cánh đồng lớn 1.050,35 ha; lúa hữu cơ sinh học trên 150 ha; sản xuất lúa theo hướng hữu cơ tại ấp Hòa Hảo, xã Phước Hảo 15 ha. [↑](#footnote-ref-1)
2. () Trồng mới 58 ha rừngphòng hộ và trên 100.000 cây phân tán, diện tích rừng phòng hộ tăng từ 450,3 ha năm 2015 lên 554,94 ha *(rừng tự nhiên 318,21 ha, diện tích rừng trồng 236,73 ha).* [↑](#footnote-ref-2)
3. () Diện tích nuôi tôm thẻ hình thức nuôi thâm canh, bán thâm canh 750 ha, tăng 171% so với năm 2015 (312,6 ha), diện tích nuôi tôm càng xanh từ 97,1 ha tăng lên 950 ha, cá lóc từ 11 ha tăng lên 65 ha. [↑](#footnote-ref-3)
4. () Thực hiện chính sách hỗ trợ vào nông nghiệp trên 549 tỷ đồng, gồm có chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ giống cây trồng để chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng màu theo Quyết định 580/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ về xây dựng và phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2017 theo Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND; Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ, đầu tư cho xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nông thôn nội đồng phục vụ cho sản xuất lúa và hỗ trợ giống để khôi phục sản xuất do thiên tai xâm nhập mặn gây ra; chính sách hỗ trợ sản xuất cho vùng lúa chất lượng cao và hỗ trợ cho công tác dập dịch và phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm [↑](#footnote-ref-4)
5. () Tư vấn cho 2.400 lượt hộ nuôi thủy sản và 484 cuộc tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất có 12.976 lượt nông dân tham gia và 30 lớp đào tạo nghề ngắn hạn lĩnh vực nông nghiệp. Thực hiện 35 mô hình trình diễn trong trồng trọt, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. [↑](#footnote-ref-5)
6. (6) Thực hiện tốt chính sách khuyến công, phối hợp hỗ trợ về thủ tục đất đai Cty sản xuất giầy da Bitis, xã Song Lộc; Cty May Hàn Quốc, xã Mỹ Chánh; Chi nhánh Cty TNHH Giai Mỹ, ấp Sâm Bua, xã Lương Hòa; Cty TNHH New Mingda Việt Nam, xã Mỹ Chánh; Cty CP Dược phẩm TV. PHARM, xã Lương Hòa A*;* Cty may Hoàn Mỹ, Cty Ca cao Mê Kông, Bệnh viện An Phúc... [↑](#footnote-ref-6)
7. **()** Phát triển mới 898 cơ sở (ngưng hoạt động 95 cơ sở), nâng tổng số 4.427 cơ sở đang hoạt động (2.488 cơ sở thương mại, 1.939 cơ sở dịch vụ). [↑](#footnote-ref-7)
8. () Toàn huyện có 19 chợ đang hoạt động, đã chuyển đổi mô hình quản lý được 03 chợ Hòa Minh, Sâm Bua, Cầu Xây, các chợ đều đạt tiêu chí số 7 về nông thôn mới. [↑](#footnote-ref-8)
9. () Thực hiện đầu tư 118 km đường nhựa, 216 km đường đal; nâng đến nay có 202 km đường nhựa, 488 km đường đal. Xây dựng mới 109 cầu bê tông cốt thép, tổng chiều dài 2.089 m; nâng đến nay có 359 cầu, tổng chiều dài 7.096 m. Tổng số vốn đầu tư 498,6 tỷ đồng, trong đó: vốn Trung ương 198 tỷ đồng, vốn tỉnh 170,3 tỷ đồng, vốn huyện 95,2 tỷ đồng, Nhân dân đóng góp 11,5 tỷ đồng, vốn khác 23,6 tỷ đồng và Nhân dân hiến 24.147,9 m2 đất để làm đường. [↑](#footnote-ref-9)
10. **()** Phát triển mới 25,67 km đường dây trung thế, và 75,6 km đường dây hạ thế; cải tạo 11,8 km đường dây trung thế và 48,16 km đường dây hạ thế, xây dựng lắp đặt mới và nâng công suất 56 trạm biến áp với dung lượng 8.910 kVA, tổng vốn đầu tư 82,9 tỷ đồng. Phát triển mới 2.109 hộ sử dụng điện; nâng đến nay có 38.978 hộ sử dụng điện, đạt 99,6% (NQ 99%). [↑](#footnote-ref-10)
11. () Đầu tư mang tính tập trung trong xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật trường học với tổng kinh phí giai đoạn 2016 - 2020 là 123.547 triệu đồng. Tính đến nay đã có 32 đơn vị trường đạt chuẩn về cơ sở vật chất theo tiêu chí nông thôn mới, trong này có 13 trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn trước chưa được tái công nhận lại. Thực hiện tinh giản biên chế tính đến nay đạt 6,80%, dự kiến đến cuối năm 2020 đạt 7,76% và ước đến cuối năm 2021 đạt 10,05% so với biên chế được giao năm 2015. [↑](#footnote-ref-11)
12. () Tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đạt trên 85,08%, trong độ tuổi cấp tiểu học đạt 100%, trong độ tuổi cấp trung học cơ sở đạt 98,65%, trong độ tuổi trung học phổ thông đạt 80,70%. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi luôn được giữ vững hàng năm; 100% các xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3, phổ cập xóa mù chữ mức độ 2 và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2 trở lên; Phổ cập giáo dục bậc trung học đạt 12/14 xã, thị trấn. [↑](#footnote-ref-12)
13. () Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên ngày càng được củng cố và nâng cao, hầu hết đều đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo: trình độ thạc sĩ có 04/1.481 CBGV, chiếm 0,27% (tăng 0,14% so với năm 2015); trình độ đại học có 1.100/1.481 CBGV chiếm 74,27% (tăng 25,45% so với năm 2015); trình độ cao đẳng có 286/1.481 CBGV chiếm 19,31% (giảm 14,39% so với năm 2015); trình độ trung cấp chuyên nghiệp có 91/1.481 CBGV chiếm 6,15% (giảm 11,20% so với năm 2015). [↑](#footnote-ref-13)
14. () Mỗi trạm y tế xã bố trí từ 06 - 08 cán bộ, từ 10 - 12 cán bộ đối với Phòng khám đa khoa khu vực. Có 108 nhân viên y tế khóm, ấp được đào tạo qua lớp y tá thôn bản tại trường Cao đẳng Y tế Trà Vinh. [↑](#footnote-ref-14)
15. () Đội tuyên truyền lưu động phục vụ biểu diễn văn nghệ bình quân 46/40 buổi/năm, đạt 115% *(trong đó phục vụ cơ sở theo kế hoạch 26 điểm; hỗ trợ các ban, ngành huyện 10 điểm; xe cổ động 10 cuộc)*. Ngoài ra, phục vụ âm thanh viếng nghĩa trang liệt sĩ huyện nhân các ngày lễ lớn được 05 cuộc/năm. [↑](#footnote-ref-15)
16. () Số người tập luyện thể dục, thể thao thường xuyên 46.273 người, chiếm 32,61%; 2.495 gia đình thể thao, đạt 6,4%; 52 trường học thực hiện tốt các hoạt động thể dục, thể thao nội khóa, đạt 100%; 22 trường học thực hiện tốt các hoạt động ngoại khóa, đạt 42%; 02 câu lạc bộ đa môn; 91 câu lạc bộ từng môn; 21 hội thể dục thể thao. [↑](#footnote-ref-16)
17. () Tổ chức 259 lớp dạy nghề cho 10.334 lao động *(đào tạo theo Đề án 1956 được 45 lớp, 1.279 lao động nông thôn)*, nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63,96%, đạt 110,27% KH *(chỉ tiêu KH 58%)*. [↑](#footnote-ref-17)
18. () Giai đoạn 2015-2020 hoàn thành hồ sơ, được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước *“Bà mẹ Việt Nam anh hùng”* cho 106 mẹ, đến nay toàn huyện có 420 Bà mẹ Việt Nam anh hùng *(phong tặng 52 mẹ, truy tặng 368 mẹ; hiện còn sống 15 mẹ được các ngành nhận phụng dưỡng đến cuối đời).* Triển khai, xây dựng và bàn giao 1.104 căn nhà tình nghĩa *(813 căn xây mới, 147 căn sửa chữa theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg; các nguồn vận động khác 144 căn);* vận động Quỹ đền ơn được 2.334,4 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-18)
19. () Quyết định số 1309/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc xếp hạng các Trung tâm Y tế thuộc Sở Y tế tỉnh Trà Vinh [↑](#footnote-ref-19)